

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

(Time New Roman, 18pt, Bold)



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Trần Thị Thu Hằng**
Giảng viên hướng dẫn : **PGS.TS. Thịnh Văn Vinh**

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME ĐẠI VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Thu Hằng
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS.Thịnh Văn Vinh**

HẢI PHÒNG - 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thu Hằng Mã SV: 110355

Lớp:QT 1104K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản
xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime
Đại Việt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Thịnh Văn Vinh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Cơ quan công tác: Học viện Tài chính

Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....thángnăm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng.....năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy cô trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức, nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán, những kinh nghiệm quý báu cho bản thân em trong thời gian học tập và sau này lập nghiệp.

Thầy giáo – PGS.TS. Thịnh Văn Vinh đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận.

Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Prime Đại Việt đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại Phòng Tài chính - Kế toán của công ty, nhiệt tình hướng dẫn cung cấp thông tin số liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu giúp em hoàn thành bài khóa luận đúng thời gian và nội dung quy định.

Em xin chúc quý thầy cô, cán bộ công nhân viên công ty Cổ phần Prime Đại Việt dồi dào sức khỏe, thành công trong công việc, chúc quý công ty kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Thu Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, giá thành luôn là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Giá thành chính là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi kỳ kinh doanh vì trước khi quyết định lựa chọn sản xuất bất kỳ một loại sản phẩm nào thì bản thân doanh nghiệp phải nắm bắt được nhu cầu thị trường, giá cả thị trường và điều tất yếu phải xác định đúng đắn mức chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải đầu tư. Doanh nghiệp muốn chiến thắng trong cạnh tranh bên cạnh việc nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm thì hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp hữu hiệu. Để hạ giá thành sản phẩm thì một vấn đề mà các doanh nghiệp cần quan tâm nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất. Do đó, công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp là rất quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Prime Đại Việt nói riêng, trong thời gian thực tập tại Công ty em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, em đã lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt”*** làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn trau dồi và củng cố kiến thức về mặt lý luận cũng như học hỏi kinh nghiệm thực tế để hoàn thiện hơn những kiến thức đã học trong trường và phục vụ cho công việc sau này

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu để làm rõ những nhận thức về tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất
- Làm rõ thực trạng về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Đối tượng nghiên cứu về chi phí được tập hợp để tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.
- Phạm vi nghiên cứu : nghiên cứu và hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

- Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...
- Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

Mặc dù em đã có nhiều cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách khoa học và hợp lý nhưng do khả năng và thời gian thực tập còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để em có điều kiện bổ sung, hoàn thiện kiến thức phục vụ cho công việc sau này.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Sự phát sinh và phát triển xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Doanh nghiệp sản xuất là nơi trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Như vậy, có thể nói bất kỳ một hoạt động sản xuất nào cũng đều phải có sự kết hợp ba yếu tố cơ bản đó là:

- Tư liệu lao động: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác
- Đối tượng lao động: Nguyên nhiên vật liệu
- Sức lao động của con người

Các yếu tố đó chính là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất ra những lượng sản phẩm vật chất tương ứng. Nhất là trong nền kinh tế thị trường sự hạch toán kinh doanh cũng như các quan hệ trao đổi đều được tiền tệ hóa. Như vậy, các chi phí sản xuất mà doanh nghiệp chi ra luôn được tính toán và được đo lường bằng tiền và gắn với một thời gian xác định như (tháng, quý, năm). Các chi phí đó bao gồm: hao phí lao động sống là hao phí trong việc sử dụng lao động như tiền lương, tiền công; lao động vật hóa là những lao động quá khứ đã được tích lũy trong các yếu tố vật chất được sử dụng để sản xuất như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên liệu, vật liệu.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm) chi phí sản xuất phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng việc tập hợp chi phí và tính chi phí phải phù hợp với từng thời kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Chỉ những chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong kỳ mới được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ. Khi xem xét về bản chất của chi phí trong doanh nghiệp, cần xác định rõ các mặt sau:

- Chi phí của doanh nghiệp được đo lường và tính toán bằng tiền trong một khoảng thời gian các định
- Độ lớn của chi phí phụ thuộc vào 2 nhân tố chủ yếu: khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí

1.2. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp bao gồm rất nhiều loại với nội dung kinh tế và mục đích, công dụng khác nhau. Do vậy để quản lý chặt chẽ và giám sát việc thực hiện sử dụng tiết kiệm, hợp lý chi phí đồng thời làm tốt công tác kế toán, kế toán cần phải tiến hành phân loại chi phí theo những chuẩn mực nhất định.

Chi phí sản xuất kinh doanh có thể được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu công tác quản lý. Tuy nhiên về mặt hạch toán chi phí sản xuất thường được phân loại theo các tiêu thức cơ bản sau.

1.2.1. Phân loại chi phí theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế của chi phí)

Theo cách phân loại này người ta sắp xếp các chi phí sản xuất có cùng nội dung kinh tế vào cùng một nhóm, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở lĩnh vực nào, mục tiêu và tác dụng của nó ra sao. Cách phân loại này còn được gọi là phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố. Theo đó chi phí sản xuất được phân chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm toàn bộ chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí nhân công: Bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương theo quy định phát sinh trong kỳ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Là toàn bộ số tiền trích khấu hao TSCĐ sử dụng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải chi trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: tiền điện, nước, điện thoại...

- Chi phí khác bằng tiền: Là toàn bộ chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngoài các yếu tố nêu trên.

Cách phân loại này cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí sản xuất dùng để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm căn cứ lập bản thuyết minh báo cáo tài chính (phần chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố); cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí, lập dự toán chi phí cho kỳ sau.

1.2.2. Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

Theo cách phân loại này những chi phí có cùng mục đích và công dụng kinh tế sẽ được xếp vào một loại gọi là các khoản mục chi phí. Có các khoản mục chi phí sau đây:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng vào mục đích trực tiếp sản xuất sản phẩm. Khoản mục này không bao gồm những chi phí nguyên vật liệu sử dụng vào sản xuất chung và các hoạt động ngoài sản xuất.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất, không trích vào khoản mục này số tiền lương, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất chung, nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí dùng cho hoạt động sản xuất chung ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất ngoài hai khoản mục trực tiếp nêu trên. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm chi phí tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương như BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN của quản đốc, nhân viên phân xưởng tại bộ phận sản xuất.

- Chi phí vật liệu: gồm vật liệu các loại sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của phân xưởng sản xuất.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm số khấu hao của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính sử dụng ở phân xưởng sản xuất.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.

- Chi phí khác bằng tiền: gồm các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản kể trên sử dụng cho nhu cầu sản xuất chung của bộ phận sản xuất.

Cách phân loại này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

1.2.3. Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- Chi phí trực tiếp: là những chi phí liên quan trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm hay một công việc nhất định. Những chi phí này kế toán có thể căn cứ vào số liệu từ chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến việc sản xuất ra nhiều loại sản phẩm, nhiều đối tượng chịu chi phí, nhiều công việc, lao vụ khác nhau nên phải tập hợp, quy nạp cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

Cách phân bổ này giúp ích rất nhiều trong kỹ thuật hạch toán. Trong quá trình tập hợp chi phí sản xuất nếu phát sinh chi phí gián tiếp kế toán phải lựa chọn tiêu thức phân bổ đúng đắn, hợp lý để có được những thông tin trung thực, chính xác về chi phí và lợi nhuận của từng loại sản phẩm, từng địa điểm phát sinh chi phí.

1.2.4. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ (theo cách ứng xử của chi phí)

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí cố định (chi phí bất biến): là những chi phí không thay đổi theo sự thay đổi của mức độ hoạt động trong phạm vi cho phép.

- Chi phí khả biến (chi phí biến đổi): là chi phí thay đổi trực tiếp thay đổi theo sự thay đổi của mức độ hoạt động.

- Chi phí hỗn hợp: là những khoản chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp thấy được xu hướng biến đổi của từng loại chi phí theo mức độ hoạt động, từ đó doanh nghiệp có thể xác định được sản lượng hòa vốn để từ đó có những quyết định đúng đắn trong ngắn hạn. Ngoài ra xác định đúng đắn chi phí bất biến và chi phí khả biến trong doanh nghiệp sẽ giúp nhà quản lý sử dụng chi phí hiệu quả hơn.

➤ Tóm lại: Mỗi cách phân loại chi phí có một ý nghĩa riêng phục vụ cho yêu cầu quản lý và từng đối tượng cung cấp thông tin cụ thể nhưng chúng luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả nhất về toàn bộ CPSX phát sinh trong phạm vi toàn doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.3. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

Đã là doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh thì bao giờ cũng muốn tối đa hóa lợi nhuận. Và về căn bản, lâu dài thì các doanh nghiệp vẫn tiến hành tạo ra sản phẩm đảm bảo yêu cầu, phù hợp với người tiêu dùng nhưng giá thành lại ở mức thấp nhất. Đây vẫn được coi là cách thức có tính nghệ thuật cao vì rằng giá thành hạ so với sản phẩm cùng loại trên thị trường doanh nghiệp sẽ linh hoạt hơn trong việc định giá cho sản phẩm đồng thời có cơ hội tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng. Kết quả là doanh số tăng và thị phần cũng mở rộng. Qua đó doanh nghiệp mới tạo được nền tảng vững chắc cho sự phát triển của mình.

Vậy giá thành sản xuất là gì?

Giá thành sản xuất sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp chi ra trong kỳ để hoàn thành việc sản xuất một loại sản phẩm nhất định.

Giá thành sản phẩm được tính toán theo từng loại sản phẩm, dịch vụ cụ thể hoàn thành (theo từng đối tượng tính giá thành)

➤ *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Ta có công thức chung để tính giá thành (Z)

$$Z \text{ đơn vị sp} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Kết quả sản xuất}}$$

Qua công thức này cho thấy để hạ thấp được giá thành sản phẩm thì một mặt doanh nghiệp phải có biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, mặt khác phải có biện pháp đầu tư, sử dụng chi phí hợp lý để nâng cao năng suất lao động, tăng cường kết quả sản xuất sản phẩm.

Như vậy, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình chế tạo ra sản phẩm, chi phí sản xuất biểu hiện hao phí còn giá thành biểu hiện kết quả của quá trình sản xuất. Đây là hai mặt thống nhất trong một quá trình nên chúng giống nhau về mặt chất nhưng khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhau về mặt lượng. Chúng giống nhau bởi đều là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ lao động sống và lao động vật hóa và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp đã chi ra nhưng khác nhau ở các điểm sau:

+ Chi phí sản xuất luôn gắn với từng thời kỳ phát sinh chi phí, còn giá thành lại gắn với từng khối lượng sản phẩm, công việc, lao vụ dịch vụ hoàn thành.

+ Chi phí sản xuất chỉ bao gồm những chi phí thực tế bỏ ra trong kỳ, bất kể chi phí đó có được tính vào giá thành hay không. Còn giá thành sản phẩm không chỉ bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ mà còn có cả phần chi phí của kỳ trước chuyển sang hoặc một phần chi phí sẽ phát sinh ở kỳ sau nhưng được ghi nhận ở kỳ này.

+ Chi phí sản xuất không chỉ liên quan đến sản phẩm sản xuất trong kỳ mà còn liên quan đến sản phẩm dở dang cuối kỳ. Còn giá thành sản phẩm không liên quan đến chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ nhưng lại liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang của kỳ trước chuyển sang.

Chi phí sản xuất sản phẩm và giá thành sản phẩm là hai mặt của một quá trình thống nhất, chúng có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Chi phí sản xuất trong kỳ là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành. Vì thế sự tiết kiệm hay lãng phí chi phí sản xuất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm.

$$\begin{array}{cccc} \text{Tổng giá} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Tổng chi phí} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{thành sản} & = & \text{xuất dở dang} & + & \text{sản xuất phát} & - & \text{xuất dở dang} \\ \text{phẩm} & & \text{đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong nền kinh tế thị trường khi mà các doanh nghiệp phải tự lo liệu và tự chịu trách nhiệm về các kết quả của mình thì việc tính đúng, tính đủ mọi khoản chi phí sản xuất để xác định giá thành luôn được các doanh nghiệp coi trọng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm

Để quản lý tốt giá thành cho từng loại sản phẩm thì cần thiết phải phân loại giá thành. Dựa vào các tiêu thức khác nhau mà ta có các cách phân loại khác nhau.

1.4.1. Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở dữ liệu tính giá thành

Giá thành sản phẩm được chia thành 3 loại:

- Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính toán giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức được thực hiện trước khi tiến hành sản xuất sản phẩm. Giá thành định mức là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp, là thước đo chính xác kết quả sử dụng tài sản; giúp đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế kỹ thuật doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Giá thành thực tế: là giá thành được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và tập hợp được cũng như sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế - kỹ thuật - tổ chức và công nghệ... để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước cũng như với các đối tác liên doanh liên kết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia thành 2 loại:

- Giá thành sản xuất: là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm bao gồm các chi phí như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho những sản phẩm đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm được sử dụng ghi sổ cho sản phẩm đã hoàn thành nhập kho hoặc giao cho khách hàng. Giá thành sản xuất của sản phẩm cũng là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lãi gộp ở các doanh nghiệp sản xuất.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & & & \\ \text{thực tế sản} & & & & & & \\ \text{xuất của sản} & = & \text{Chi phí sản} & + & \text{Chi phí sản} & - & \text{Chi phí sản} \\ \text{phẩm} & & \text{xuất dở dang} & & \text{xuất phát} & & \text{xuất dở} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{dang cuối} \\ & & & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

- Giá thành toàn bộ: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ chỉ được tính toán khi sản phẩm được xác định là tiêu thụ, đồng thời nó là căn cứ để xác định lãi trước thuế của doanh nghiệp, lãi thực của hoạt động sản xuất kinh doanh.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn} & & \text{Giá thành sản} & & & & \text{Chi phí quản} \\ \text{bộ sản phẩm} & = & \text{xuất của sản} & + & \text{Chi phí} & + & \text{lý doanh} \\ \text{tiêu thụ} & & \text{phẩm tiêu thụ} & & \text{bán hàng} & & \text{nghiệp} \end{array}$$

➤ Tóm lại: Việc phân loại CPSX và giá thành sản phẩm là cơ sở để tiến hành các biện pháp quản lý chi phí có hiệu quả, vạch rõ nhân tố cụ thể tăng giảm giá thành, là cơ sở đầu tiên cho hạch toán CPSX và tính giá thành sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ theo đó phạm vi và giới hạn này có thể có địa điểm phát sinh chi phí như phân xưởng, tổ đội sản xuất; có thể là nơi chịu chi phí như sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng...

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất chính là việc xác định một phạm vi giới hạn nhất định để tập hợp chi phí nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Phạm vi giới hạn tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, giai đoạn công nghệ) hoặc là nơi chịu chi phí (từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng...) Muốn xác định được đối tượng tập hợp chi phí người ta thường phải dựa vào những căn cứ cơ bản sau:

- + Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm
- + Loại hình sản xuất của doanh nghiệp
- + Đặc điểm tổ chức sản xuất
- + Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp
- + Yêu cầu tính giá thành của doanh nghiệp

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí một cách khoa học, hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng cho việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến việc mở tài khoản, mở sổ chi tiết đến việc tập hợp số liệu để ghi chép một cách khoa học, hợp lý nhất.

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là các loại sản phẩm, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành cần phải được tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp sản xuất tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mà đối tượng tính giá thành có thể là:

- + Từng sản phẩm, từng công việc, từng đơn đặt hàng đã hoàn thành
- + Từng chi tiết, bộ phận sản xuất
- + Từng công trình, hạng mục công trình

Thông thường trong thực tế người ta hay chọn đối tượng tính giá thành phù hợp với quá trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp như:

- Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn: Đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ.

- Đối với quy trình phức tạp theo kiểu liên tục: Đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn chế tạo hay thành phẩm chế tạo ở giai đoạn cuối cùng.

- Đối với sản phẩm công nghệ phức tạp kiểu song song: Đối tượng tính giá thành là chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn thành.

- Xác định đối tượng tính giá thành đúng đắn, phù hợp với điều kiện đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình tổ chức sản xuất, yêu cầu trình độ quản lý) sẽ giúp cho kế toán mở sổ kế toán, lập các bảng tính theo hoạt động cần quản lý, kiểm tra và đáp ứng như cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp, lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp.

Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm:

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau, giống nhau về mặt bản chất - đều là phạm vi và giới hạn mà chi phí sản xuất phát sinh đã được tập hợp và tính toán. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác nhau cụ thể là:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Đối tượng tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc nơi chịu chi phí còn đối tượng tính giá thành là nơi chịu chi phí.

+ Khi qua trình sản xuất sản phẩm là dạng đơn thì đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một. Trong kỳ sản xuất, nếu không có chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ chính là giá thành của sản phẩm.

+ Khi công trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng lại có quy cách và phẩm chất khác nhau thì đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng phải trải qua nhiều công đoạn chế tạo gia công liên tục thì một đối tượng tính giá thành lại bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở mỗi công đoạn chế tạo.

1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Việc xác định kỳ tính giá thành một cách hợp lý sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, kịp thời.

Dựa vào đặc điểm sản xuất- chu kỳ sản xuất, sản xuất theo đơn đặt hàng hàng loạt... và yêu cầu quản lý mà kỳ tính giá thành là tháng, quý, năm hay khi hoàn thành đơn đặt hàng.

Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng. Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành (trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.6. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất

1.6.1. Phương pháp trực tiếp

Phương pháp này áp dụng với các chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và công tác hạch toán ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

1.6.2. Phương pháp tập hợp gián tiếp

Phương pháp này áp dụng khi một loại chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất mà không thể trực tiếp tập hợp cho một đối tượng được.

Trong trường hợp này các doanh nghiệp phải lựa chọn tiêu chuẩn (tiêu thức) hợp lý để phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan theo công thức:

-Xác định hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng các tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

-Xác định chi phí phân bổ cho từng đối tượng

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó C_i : Chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng thứ i

H: Hệ số phân bổ

T_i : Tổng đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ

Tùy thuộc vào từng đối tượng cụ thể mà các doanh nghiệp tiến hành lựa chọn đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ sao cho hợp lý. Tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ là cơ sở đảm bảo độ tin cậy của thông tin được cung cấp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.7. Phương pháp tính giá thành

1.7.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp)

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp được theo từng đối tượng tập hợp chi phí trong kỳ và giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ để tính ra giá thành sản phẩm theo công thức:

$$Z = D_{đk} + C - D_{ck}$$

$$Z_{đv} = \frac{Z}{Q_{ht}}$$

Trong đó:

$D_{đk}; D_{ck}$: chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

C : chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

$Z ; z_{đv}$: tổng giá thành và giá thành đơn vị

Q_{ht} : số lượng sản phẩm hoàn thành

-Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính, có thể cung cấp các chỉ tiêu giá thành một cách kịp thời trong công tác quản lý.

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có quy trình công nghệ giản đơn, khép kín từ khi đưa nguyên vật liệu vào cho tới khi hoàn thành sản xuất, mặt hàng ít, khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn.

1.7.2. Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí sản xuất sản phẩm phụ

Nếu cùng một quy trình công nghệ, ngoài sản phẩm chính còn thu được sản phẩm phụ, thì khi tính giá thành sản phẩm, chúng ta phải tiến hành loại trừ các chi phí phát sinh tính cho sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất của cả quy trình công nghệ. Phần chi phí sản xuất tính cho sản phẩm phụ thường tính theo giá kế hoạch hoặc cũng có thể tính bằng cách lấy giá bán trừ đi lợi nhuận định mức và thuế.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi tính được chi phí sản xuất cho sản phẩm phụ, tổng giá thành của sản phẩm chính được tính như sau:

$$\text{Tổng } Z_{\text{spc}} = C_{\text{dk}} + C - C_{\text{ck}} + C_{\text{spp}}$$

$$Z_{\text{đvị spc}} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm chính}}{\text{Tổng số sản phẩm chính}}$$

Chi phí sản xuất sản phẩm phụ cũng được tính riêng cho từng khoản mục bằng cách lấy tỷ trọng chi phí sản xuất sản phẩm phụ trong tổng chi phí sản xuất của cả quy trình công nghệ nhân với từng khoản mục tương ứng.

$$\text{Tỷ trọng chi phí sản xuất sản phẩm phụ} = \frac{\text{Chi phí sản xuất sản phẩm phụ}}{\text{Tổng chi phí sản xuất}}$$

1.7.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp mà trong cùng một phân xưởng sản xuất, một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau và giữa các sản phẩm này có hệ số quy đổi (sản phẩm có hệ số bé nhất bằng 1 gọi là sản phẩm chuẩn)

- Đối tượng hạch toán chi phí là phân xưởng
- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính hoàn thành

Trong trường hợp tính giá thành theo phương pháp hệ số, kế toán phải tiến hành thực hiện các bước sau:

Bước 1: Tính số lượng sản phẩm chuẩn hoàn thành

Bước 2: Tính số lượng sản phẩm chuẩn dở dang

Bước 3: Tính tổng giá thành sản phẩm chính

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một phân xưởng hay trên cùng một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm chính có quy cách khác nhau. Tiêu thức chọn trong phương pháp tỷ lệ có thể là giá bán, giá thành kế hoạch, chi phí định mức. Thực hiện tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ kế toán cần phải tiến hành các bước sau:

Bước 1: Tính tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm

Bước 2: Tính tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm

Bước 3: Tính tỷ lệ giá thành cho nhóm sản phẩm

$$\text{Tỷ lệ tính giá thành cho sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của nhóm sản phẩm}}$$

Bước 4: Tính tổng giá thành thực tế của sản phẩm quy cách i

$$\text{Tổng giá thành thực tế của sản phẩm i hoàn thành trong kỳ} = \text{Tỷ lệ} \times \text{Tổng giá thành kế hoạch của sản phẩm i}$$

Bước 5: Tính giá thành đơn vị sản phẩm i

$$\text{Z đơn vị sản phẩm thứ i} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế sản phẩm i}}{\text{Số lượng sản phẩm i hoàn thành}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.7.5. Tính giá thành theo đơn đặt hàng

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng.
- Đặc điểm: Mặt hàng thường xuyên thay đổi, sản phẩm được đặt mua trước khi sản xuất và chi tiết theo từng đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất riêng rẽ.
- Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là các bộ phận sản xuất và chi tiết theo đơn đặt hàng.
- Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành của từng đơn đặt hàng.
- Trình tự tập hợp chi phí và tính giá thành

+ Khi ký kết hợp đồng doanh nghiệp tiến hành sản xuất theo đơn đặt hàng.

Việc tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng được thực hiện trên các tờ kê chi phí mở cho từng đơn đặt hàng kể từ khi đơn đặt hàng bắt đầu đi vào sản xuất.

+ Tập hợp chi phí: Thông thường chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp trực tiếp theo từng đơn đặt hàng, còn chi phí sản xuất chung nếu bộ phận sản xuất chỉ thực hiện một đơn đặt hàng thì chi phí sản xuất chung được tính trực tiếp cho đơn đặt hàng đó, nếu một bộ phận cùng một lúc thực hiện nhiều đơn đặt hàng thì chi phí sản xuất chung được phân bổ cho các đơn đặt hàng theo chi phí sản xuất chung ước tính hoặc chi phí sản xuất chung thực tế.

+ Đến khi có chứng từ chứng minh đơn đặt hàng đã hoàn thành. Tổng cộng chi phí trên tờ kê chi phí là tổng giá thành của đơn đặt hàng. Với những đơn đặt hàng chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ kế toán chi phí sản xuất chung cho đơn đặt hàng là chi phí kinh doanh dở dang.

1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp phân bước

Trong trường hợp sản xuất liên tục sản phẩm của phân xưởng trước sẽ chuyển sang chế biến ở phân xưởng sau và đến phân xưởng cuối cùng mới

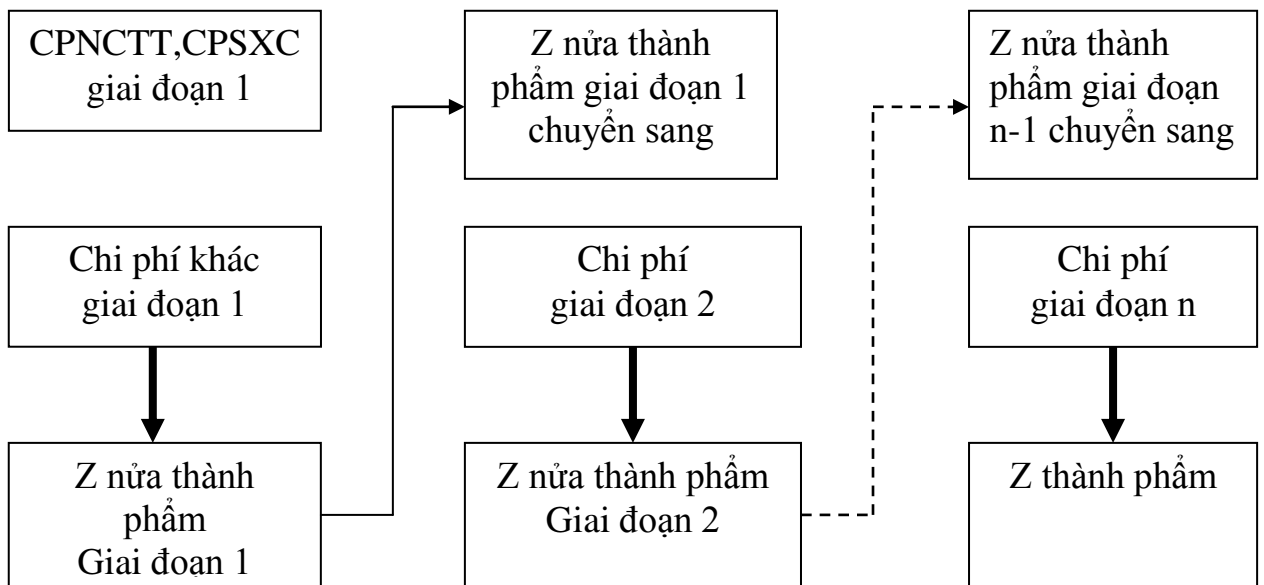
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cho ra sản phẩm. Mỗi phân xưởng như vậy có thể coi là một giai đoạn sản xuất. Đối với phương pháp này có thể tính giá thành theo hai cách:

- Tính giá thành theo phương pháp kết chuyển tuần tự từng khoản mục (áp dụng cho doanh nghiệp tính giá thành bán thành phẩm)

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp xác định đối tượng tính giá thành là nửa thành phẩm và thành phẩm. Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng giai đoạn, lần lượt tính tổng giá thành và giá thành đơn vị nửa thành phẩm từng giai đoạn kế tiếp, cứ tiếp tục tới khi tính tổng giá thành và giá thành đơn vị thành phẩm.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kết chuyển chi phí sản xuất tuần tự để tính giá thành

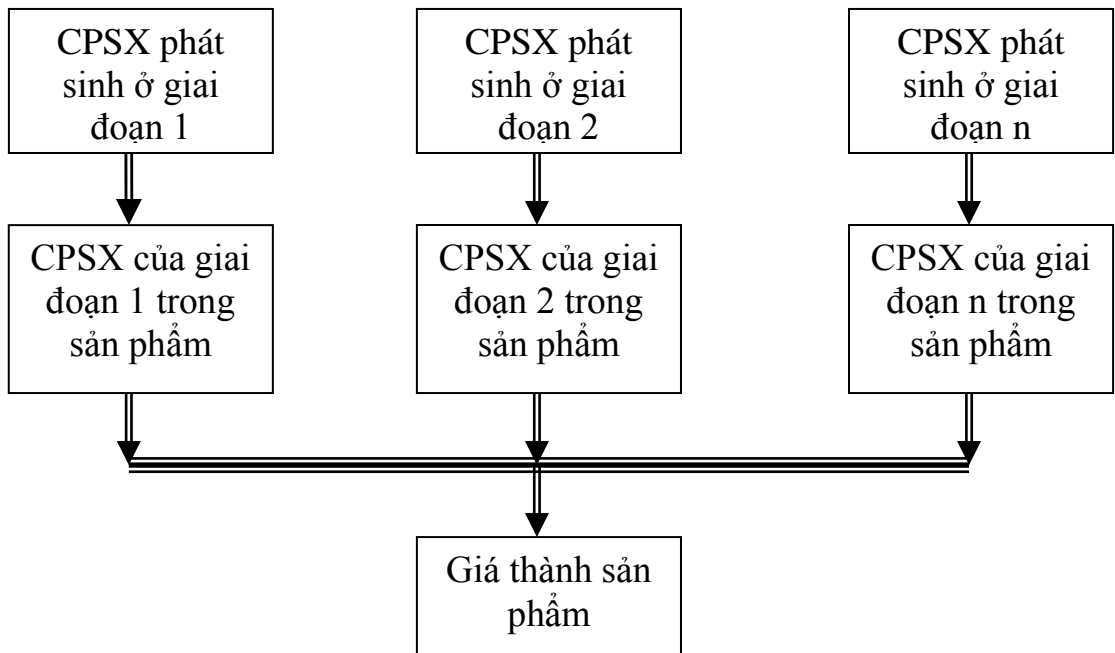


- Tính giá thành theo phương pháp kết chuyển song song

Thường áp dụng phương pháp này trong các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất bao gồm nhiều chi tiết, bộ phận. Các chi tiết, bộ phận của sản phẩm song song đồng thời với nhau và sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn lắp ráp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kết chuyển chi phí song song



1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất gồm nhiều giai đoạn công nghệ như trong các doanh nghiệp khai thác, dệt nhuộm, cơ khí chế tạo máy, may mặc...

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

$Z_1, Z_2, Z_3 \dots Z_n$ là giá thành hay tổng chi phí sản xuất của giai đoạn hoặc bộ phận 1, 2, 3...n

1.7.8. Tính giá thành theo phương pháp định mức.

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có hệ thống thâm định kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đồng thời phải tổ chức được hệ thống hạch toán có khả năng cung cấp và phân tích những chênh lệch do thay đổi định mức và do thực hiện định mức, những thông tin này giúp người quản lý phát hiện kịp thời chính xác nguyên nhân

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

mức tăng hoặc tiết kiệm chi phí sản xuất từ đó đề ra biện pháp phục những nguyên nhân gây ra khoản chênh lệch trên nhằm giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tóm lại: Có nhiều cách để tính giá thành sản phẩm, mỗi phương pháp có mặt mạnh, yếu khác nhau vì vậy tùy điều kiện của từng doanh nghiệp mà áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm một cách khéo léo, phù hợp để mang lại lợi ích tối đa. Có như vậy thì doanh nghiệp mới có thể tồn tại và đứng vững trong nền kinh tế thị trường.

1.8. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Khái niệm

Sản phẩm làm dở là những sản phẩm còn đang trong quá trình sản xuất, chế biến, đang nằm trên các dây chuyền công nghệ mà doanh nghiệp phải tiếp tục sản xuất hoặc chế biến mới thành thành phẩm.

Đánh giá sản phẩm làm dở có ý nghĩa rất lớn trong việc hạch toán và quản lý chi phí. Nhưng việc đánh giá sản phẩm làm dở mang nặng tính chủ quan, khó có thể tính toán một cách chính xác được. Mức độ hợp lý của đánh giá sản phẩm làm dở tùy thuộc vào các nhân tố sau:

- + Kiểm kê và đánh giá mức độ hoàn thành của sản phẩm làm dở
- + Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở phù hợp

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này kế toán chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành.

Công thức tính:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVL}}{Q_{ht} + Q_d} \times Q_d$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó: D_{dk} : Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

D_{ck} : Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

C_{NVL} : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Q_{ht} : Khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

Q_d : Khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán, xác định chi phí dở dang cuối kỳ được kịp thời, phục vụ cho việc tính giá thành nhanh chóng.

- Nhược điểm: Kết quả đánh giá sản phẩm dở dang có độ chính xác không cao vì trong sản phẩm làm dở chỉ tính toán một khoản mục.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thích hợp áp dụng cho những doanh nghiệp:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình công nghệ

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí (thường lớn hơn 70%)

+ Sản phẩm dở dang cuối kỳ và đầu kỳ ít, không biến động nhiều giữa cuối kỳ và đầu kỳ.

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

Căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ và mức độ hoàn thành để quy đổi khối lượng sản phẩm dở dang thành khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó lần lượt tính toán từng khoản mục chi phí trong sản phẩm dở dang theo nguyên tắc.

+ Đối với những chi phí sản xuất bỏ vào một lần ngay từ đầu quy trình công nghệ như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hay chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVL}}{Q_{ht} + Q_d} \times Q_{ht}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Đối với chi phí sản xuất bỏ dần trong quy trình sản xuất như: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C_{NVL}}{Q_{ht} + Q_{td}} \times Q_{td}$$

Trong đó: Q_{td} : Khối lượng sản phẩm dở dang đã được tính đổi ra khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương theo tỷ lệ chế biến hoàn thành (h%)

$$Q_{td} = Q_d \times h\%$$

- Ưu điểm: Phương pháp này cho kết quả có độ chính xác cao và khoa học hơn phương pháp trước vì trong trị giá sản phẩm làm dở có đầy đủ các khoản mục.

- Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều hơn và đặc biệt xác định mức độ chế biến hoàn thành rất phức tạp.

- Điều kiện áp dụng: Áp dụng phù hợp với các doanh nghiệp có khối lượng sản phẩm dở lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều và biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức

Căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang đã kiểm kê xác định ở từng công đoạn và định mức từng khoản mục chi phí đã tính được ở công đoạn đó cho một đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí định mức của khối lượng sản phẩm dở dang của từng công đoạn sau đó tổng hợp lại cho từng loại sản phẩm.

Công thức:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí} \\ \text{xuất dở dang} & & \text{định mức} \\ \text{cuối kỳ của sản} & = & \text{của sản} \\ \text{phẩm } i & \text{phẩm dở dang cuối} & \text{phẩm } i \\ & \text{kỳ của sản phẩm } i & \\ & & \times \end{array}$$

- Ưu điểm: Tính toán đơn giản, thuận tiện hơn nếu doanh nghiệp đã lập được bảng tính sẵn.

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao vì chi phí thực tế phát sinh không đúng với chi phí định mức.

Điều kiện áp dụng: Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức.

1.8.4.Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm.

1.9.1. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này có ưu điểm là giám sát chặt chẽ tình hình tăng, giảm tài sản, giá trị của chúng trên sổ kế toán tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Song do khối lượng công việc hạch toán nhiều và phức tạp nên phương pháp kê khai thường

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

xuyên thường được áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn (máy móc, thiết bị, hàng kỹ thuật cao...)

* Phương pháp kế toán:

Theo chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp tiến hành kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, toàn bộ chi phí được tập hợp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí theo từng khoản mục trước khi kết chuyển sang TK 154. Các tài khoản này không có số dư cuối kỳ và phải mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tùy thuộc vào yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp.

1.9.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo ra sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp. Trong trường hợp doanh nghiệp mua nửa thành phẩm để lắp ráp, gia công tiếp thành phẩm thì cũng được hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong lý được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Chi phí thực tế} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{nguyên vật liệu} & & \text{NVL} & & \text{NVL xuất} & & \text{NVL tồn} & & \text{phế liệu} \\ \text{trực tiếp trong} & = & \text{tồn đầu} & + & \text{dùng trong} & - & \text{cuối kỳ} & - & \text{thu hồi} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & & & \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Phương pháp tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh thường tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên nếu có phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí mà không tập hợp trực tiếp được thì kế toán phải tiến hành phân bổ theo các tiêu thức phân bổ hợp lý. Tiêu thức phân bổ có thể sử dụng là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo định mức tiêu hao, theo hệ số, theo số lượng sản phẩm... Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí vật liệu phân} & & \text{Tổng tiêu thức phân} \\ \text{bổ cho từng đối} & & \text{bổ của từng đối} \\ \text{tượng (hoặc sản} & = & \text{tượng (hoặc sản} & \times & \text{Hệ số (tỷ} \\ \text{phẩm)} & & \text{phẩm)} & & \text{lệ) phân bổ} \end{array}$$

$$\text{Hệ số (tỷ lệ)} = \frac{\text{Tổng chi phí vật liệu cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ cho tất cả các đối tượng}} \times 100\%$$

- Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu nhập kho, thẻ kho, hóa đơn GTGT, sổ chi tiết NVL, bảng tổng hợp nhập xuất tồn, bảng phân bổ NVL...
- Phương pháp kế toán:

+ Toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã tập hợp được ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 621 (chi tiết theo từng đối tượng)

Có TK 152, 153 (chi tiết liên quan)

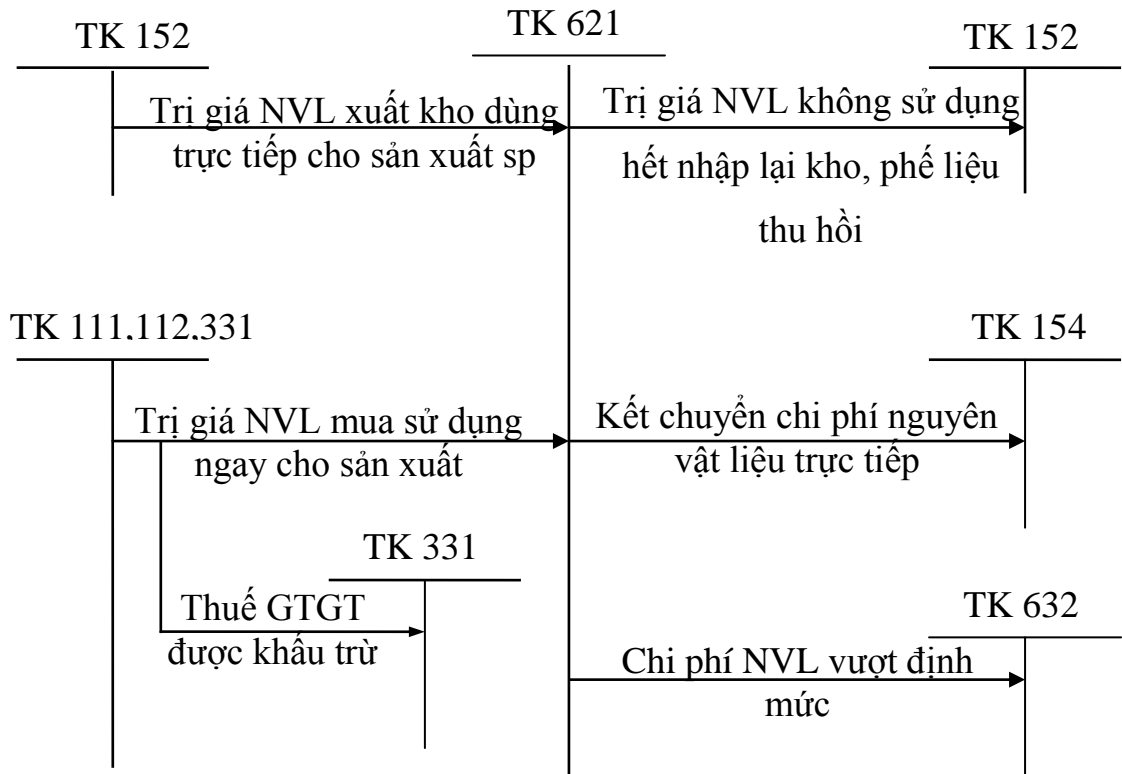
+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào các đối tượng liên quan:

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 621 (chi tiết liên quan)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.9.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

- Nội dung chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm (phụ cấp khu vực , độc hại, phụ cấp làm thêm giờ...) và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của công nhân trực tiếp sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp gồm tất cả các khoản trên liên quan đến sản xuất trong kỳ không phân biệt đã thanh toán cho người lao động hay chưa.

- Phương pháp tập hợp

Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến đối tượng chịu chi phí nào thì tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó. Tuy nhiên, nếu chi phí nhân công trực tiếp phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì kế toán sử dụng phương pháp phân bổ gián tiếp theo tiêu thức phân bổ hợp lý. Những

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tiêu thức phân bổ có thể là: tiền công định mức, giờ công định mức, giờ công sản xuất thực tế...

- Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng chấm công, bảng phân bổ tiền lương...
- Phương pháp kế toán:

Để tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được tiến hành như sau:

- + Toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp vào bên Nợ TK 622.

Căn cứ vào bảng tính lương, tính BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN kế toán ghi:

Nợ TK 622 (chi tiết lương)

Có TK 334, 338

Có TK 335: Tiền lương trích trước cho công nhân sản xuất

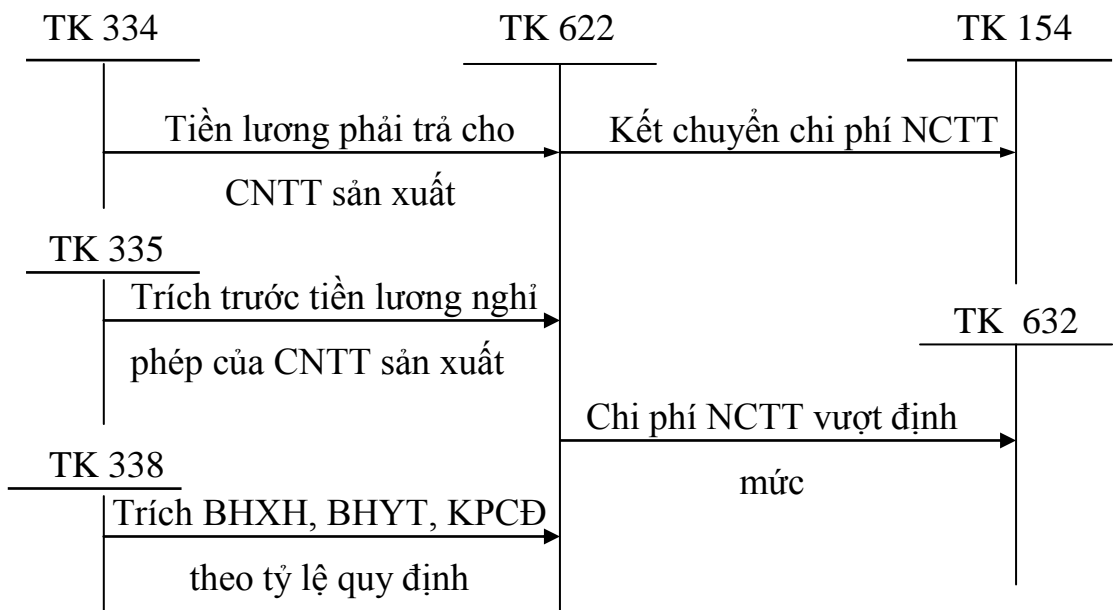
+ Cuối kỳ tiến hành kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào các đối tượng lương

Nợ TK 154 (chi tiết liên quan)

Có TK 622 (chi tiết liên quan)

Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp được phản ánh trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.9.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

- Nội dung chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là chi phí liên quan đến phục vụ, quản lý sản xuất trong phạm vi các phân xưởng bộ phận, tổ đội sản xuất (như chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí điện nước...)

- Phương pháp tập hợp

Chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng địa điểm phát sinh chi phí. Một doanh nghiệp có nhiều phân xưởng sản xuất phải mở sổ chi tiết tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng. Chi phí sản xuất chung của phân xưởng nào được kết chuyển vào sản phẩm, công việc của phân xưởng đó. Tuy nhiên nếu phân xưởng có nhiều loại sản phẩm thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm, công việc có liên quan theo một tiêu thức phân bổ hợp lý. Tiêu thức phân bổ có thể là theo chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí sản xuất chung.

$$\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}$$

- Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho sản xuất chung.

- Phương pháp kế toán: Kế toán sử dụng TK 627 – Chi phí sản xuất chung để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng.

+ Chi phí sản xuất chung phát sinh thực tế được tập hợp:

Nợ TK 627: (chi tiết theo từng phân xưởng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 334,338: (chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương)

Có TK 152, 153: Chi phí NVL, chi phí dịch vụ phục vụ cho sản xuất

Có TK 214: Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất

Có TK 142: Chi phí trả trước

Có TK 335: Trích trước chi phí phải trả

Có TK 111,112,331: Chi phí dịch vụ mua ngoài

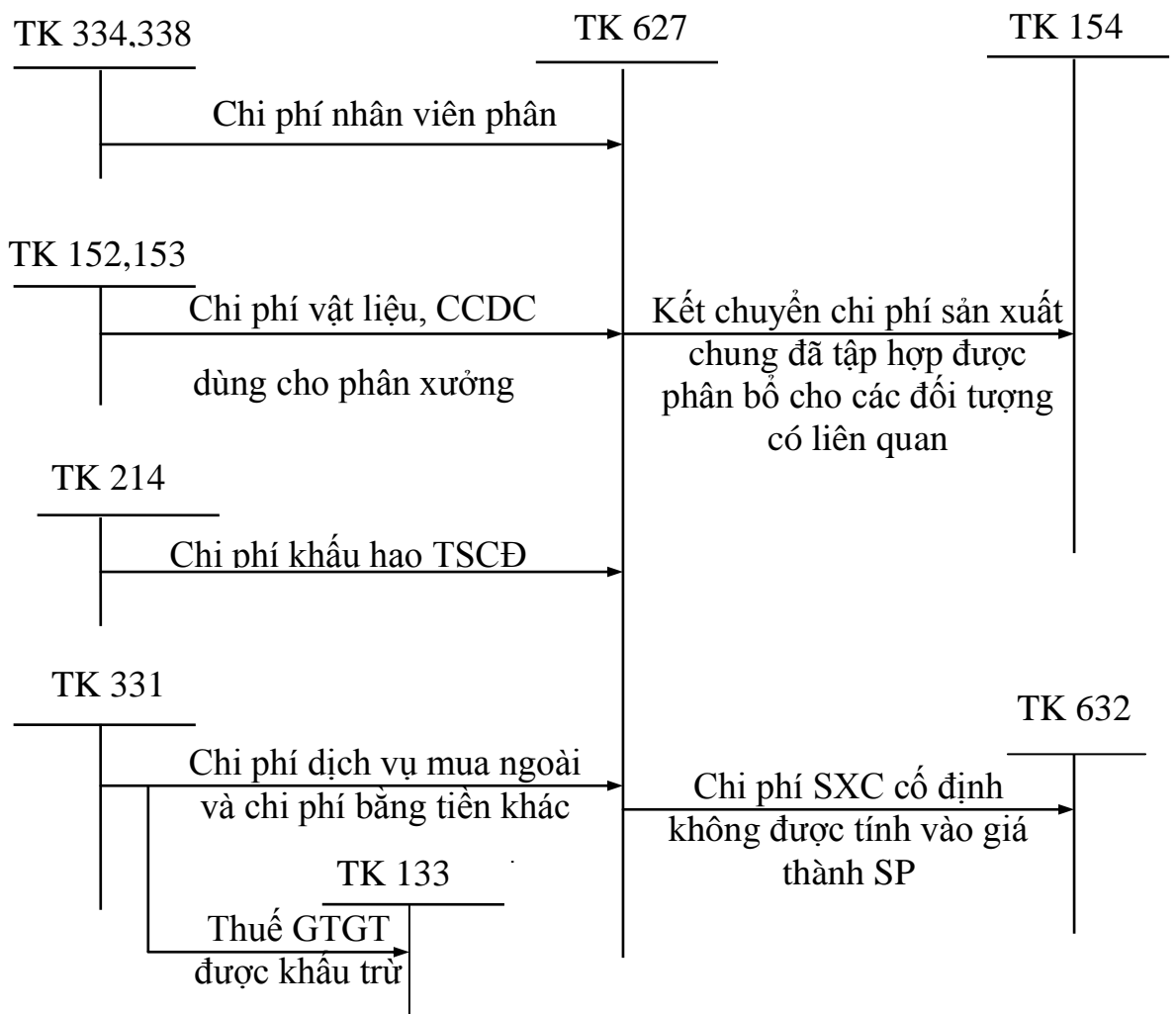
Cuối kỳ chi phí sản xuất chung đã tập hợp được kết chuyển để tính giá thành sản phẩm.

Nợ TK 154: (chi tiết liên quan)

Có TK 627:

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung



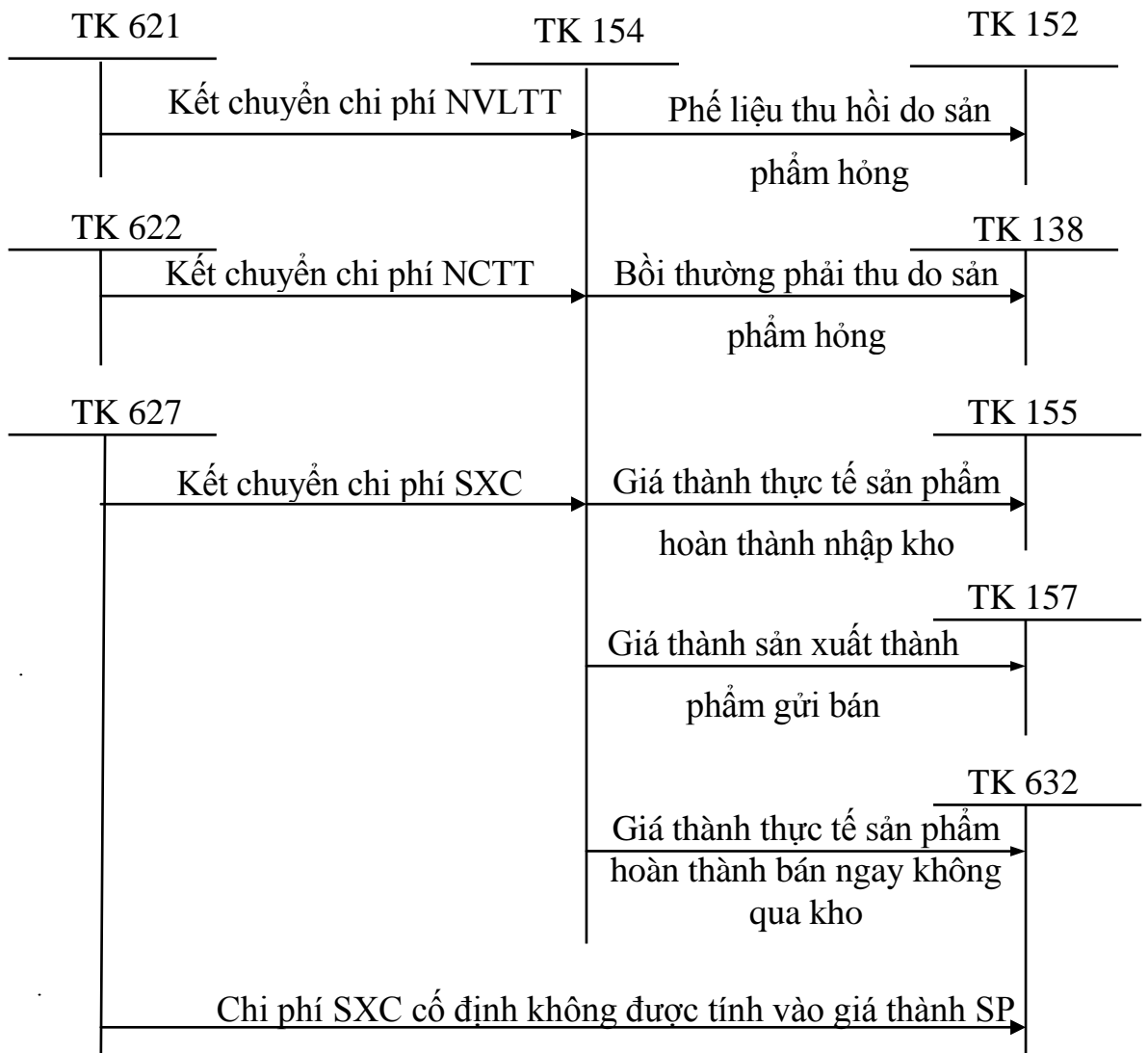
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp*

Đề tập hợp chi phí sản xuất chung doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Cuối kỳ các chi phí sản xuất được tập hợp vào TK 621, TK 622, TK 627 sẽ được kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ. TK 154 được mở chi tiết theo từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất hoặc đối tượng tính giá thành.

Trình tự hạch toán tập hợp chi phí sản xuất theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.9.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện kế toán theo phương pháp kê khai định kỳ

Phương pháp kê khai định kỳ là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị thực tế của vật tư hàng hóa tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng giá trị hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho trong} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{nhập kho trong} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

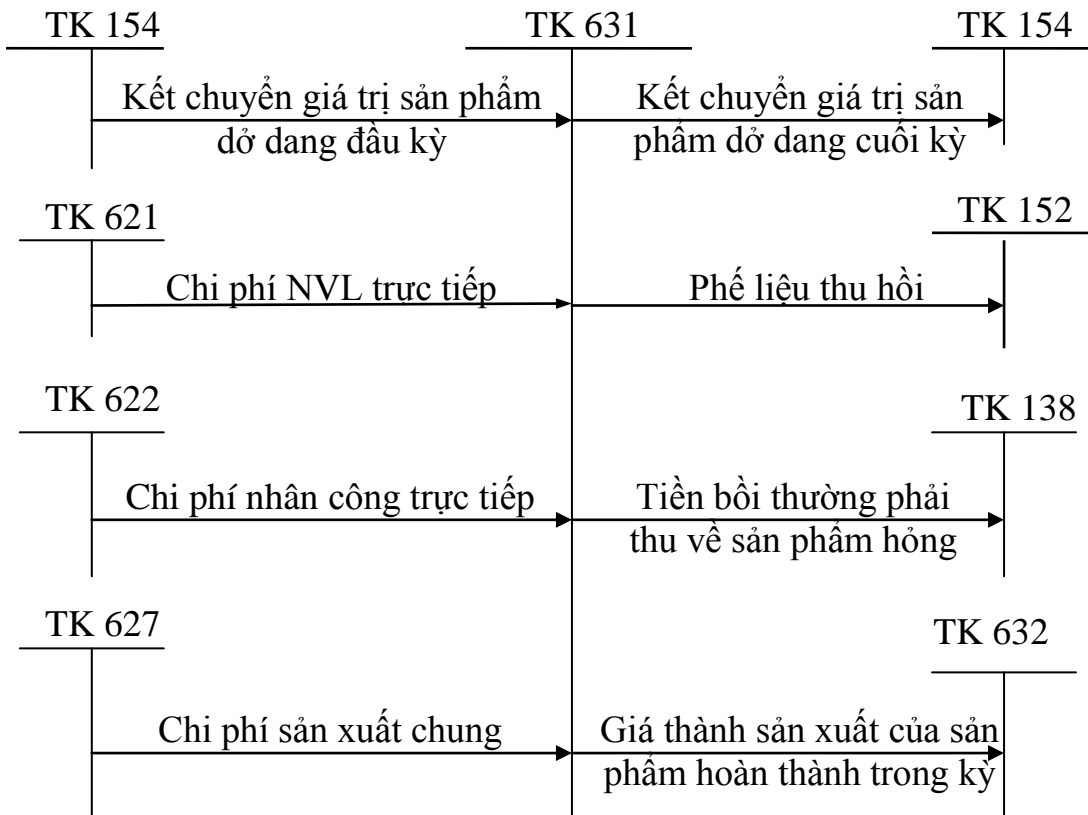
Phương pháp kê khai định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với quy cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng, bán lẻ..)

Cũng tương tự phương pháp kê khai thường xuyên, chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các TK 621, TK 622, TK 627.

Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631- Giá thành sản xuất. Tài khoản 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí (phân xưởng, tổ, đội sản xuất) và theo loại, nhóm sản phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

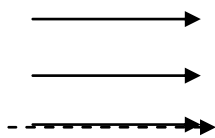
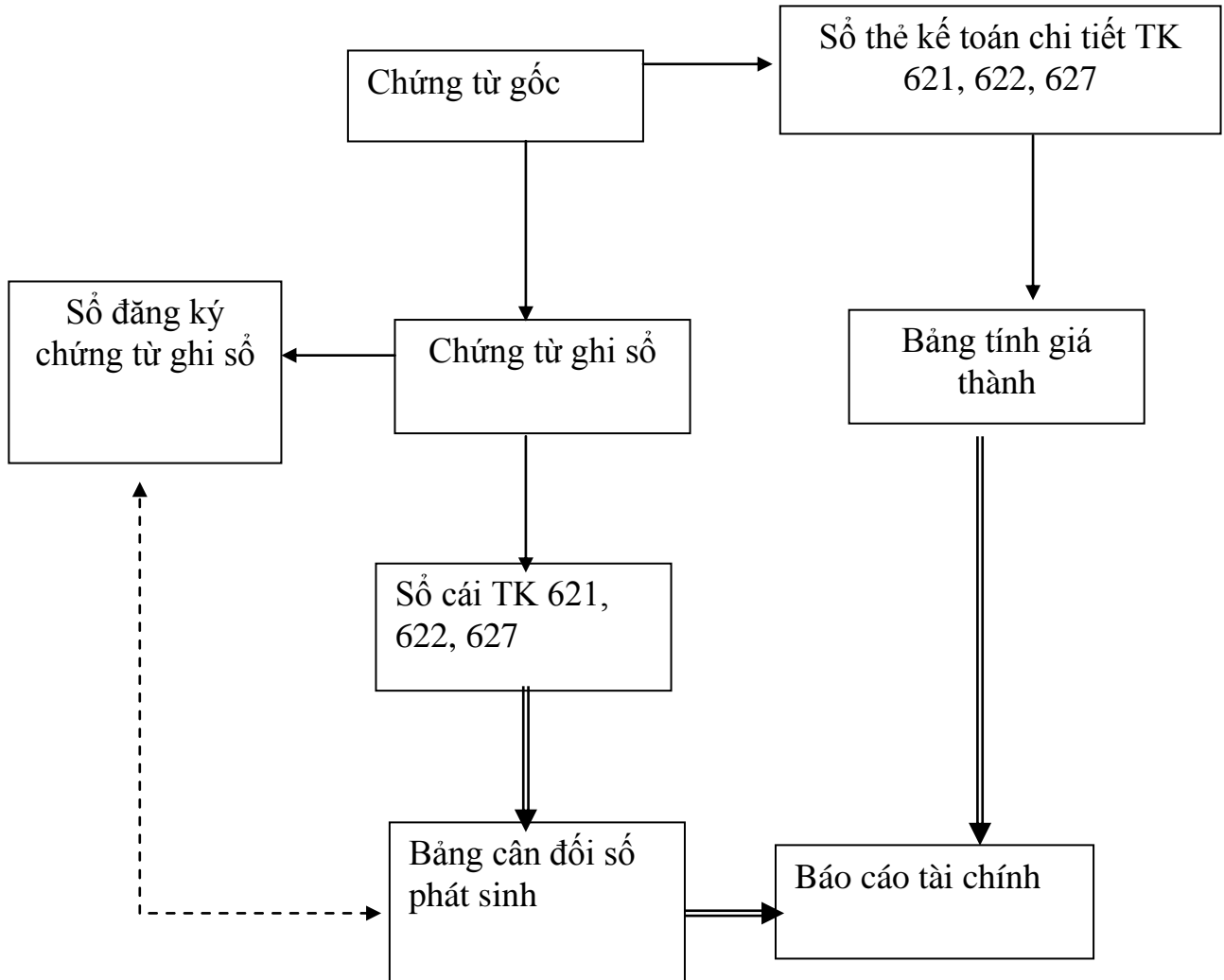
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp theo phương pháp kiểm kê định kỳ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

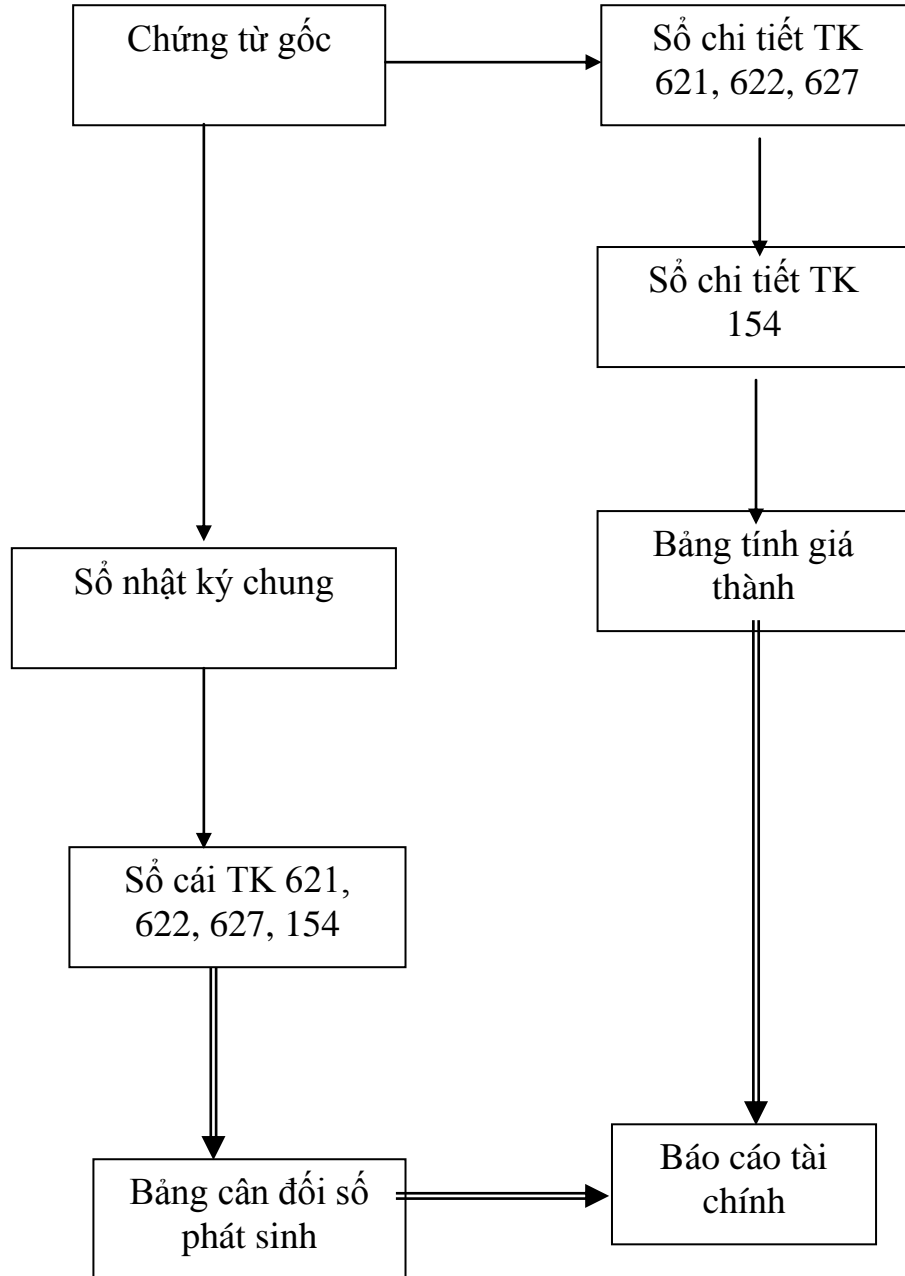
1.10.1. Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức chứng từ ghi sổ



→ Ghi hằng ngày
→ Ghi định kỳ
- - -> Đối chiếu kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.10.2. Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký chung

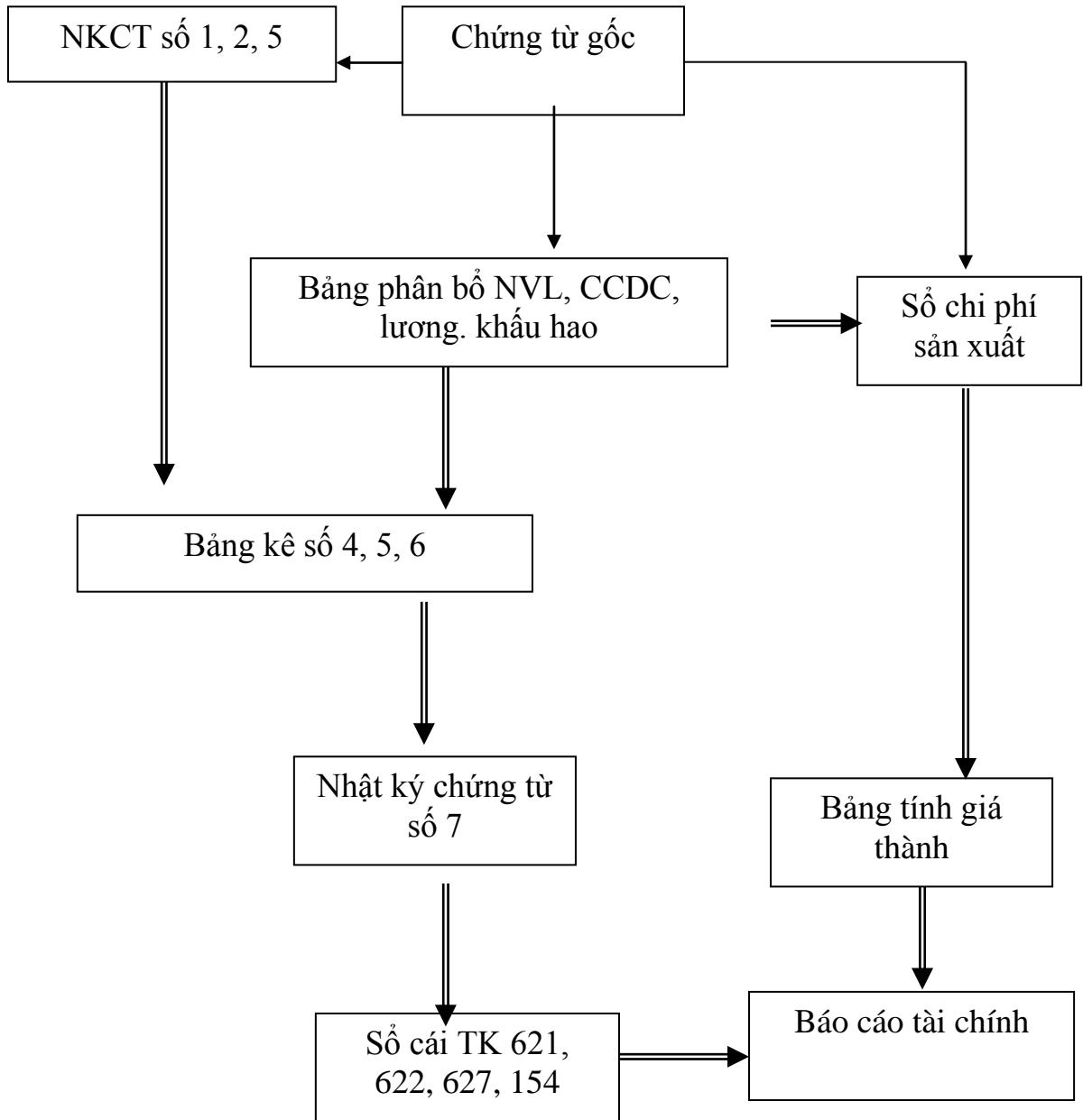


—————> Ghi hàng ngày

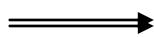
=====> Ghi định kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.10.3. Hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký chứng từ



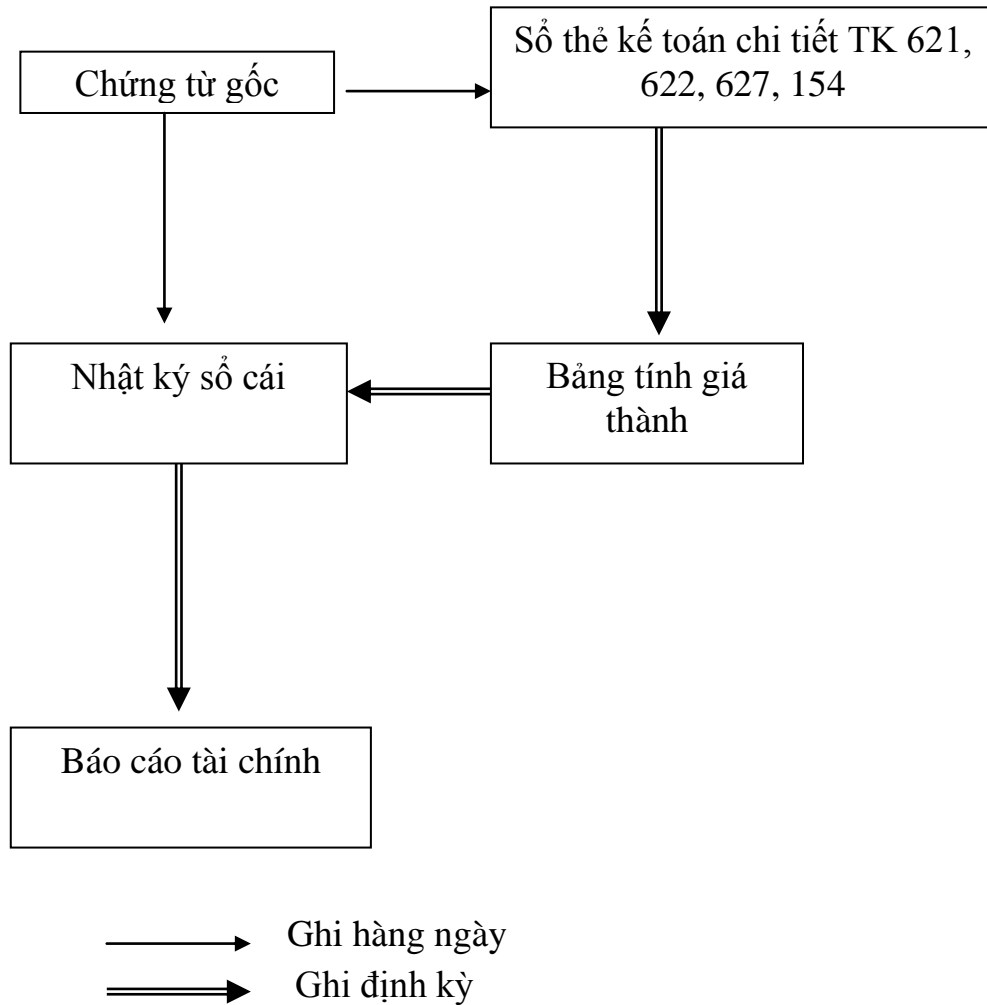
Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.10.4. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo hình thức nhật ký sổ cái



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME ĐẠI VIỆT

2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

2.1.1. Lịch sử hình thành phát triển của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt thuộc tập đoàn PRIME GROUP chuyên sản xuất và tiêu thụ các loại gạch ốp, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần hai thành viên trở lên số 1902000237 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002.

- ❖ Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty Cổ phần Prime Đại Việt
- ❖ Tên giao dịch tiếng Anh: DAI VIET COMPANY LIMITED
- ❖ Tên viết tắt: DAI VIET CO., LTD
- ❖ Địa chỉ : Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
- ❖ Điện thoại : 0211.844464
- ❖ Fax : 0211.844464
- ❖ Email : Daivietpg@yahoo.com

Công ty cổ phần Prime Đại Việt được thành lập ngày 29 tháng 6 năm 2007, tiền thân là Công ty TNHH Đại Việt.

Thời kỳ ban đầu , công ty thuê trụ sở của công ty TNHH Vĩnh Phúc tại thị trấn Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc. Công ty TNHH Đại Việt thành lập ngày 15 tháng 7 năm 2002 với số vốn điều lệ khiêm tốn 500 triệu đồng . Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty đã có 6 lần thay đổi bổ sung vốn điều lệ . Lần gần đây nhất là tháng 12 năm 2006, công ty bổ sung thêm 70 tỷ đồng nâng tổng vốn điều lệ lên 130 tỷ .

Ngày 29/6/2007 công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Prime Đại Việt và chuyển trụ sở về KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Giấy phép kinh doanh số 1903000307 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nhiệm vụ chính của công ty cổ phần Prime Đại Việt là sản xuất các loại gạch ốp lát và phân phối cho các đại lý trên toàn quốc.

Một số chỉ tiêu tài chính của công ty trong 3 năm gần đây:

STT	Chỉ tiêu	2008	2009	2010
1	Tổng doanh thu	476,461,139,510	623,366,503,365	557,069,284,020
2	Doanh thu thuần	457,050,101,375	597,014,162,099	535,475,662,621
3	Giá vốn hàng bán	343,276,414,100	597,014,162,099	411,234,628,841
4	Lợi nhuận gộp	113,773,687,275	101,878,838,257	124,241,033,780
5	Lợi nhuận thuần	62,908,914,809	49,688,205,119	93,948,255,798
6	Lợi nhuận trước thuế	63,945,438,302	50,260,996,872	94,598,498,852
7	Thuế & các khoản phải nộp ngân sách	6,416,691,556	6,144,404,398	11,040,612,779
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	57,528,746,746	44,116,592,474	83,557,886,073

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh.

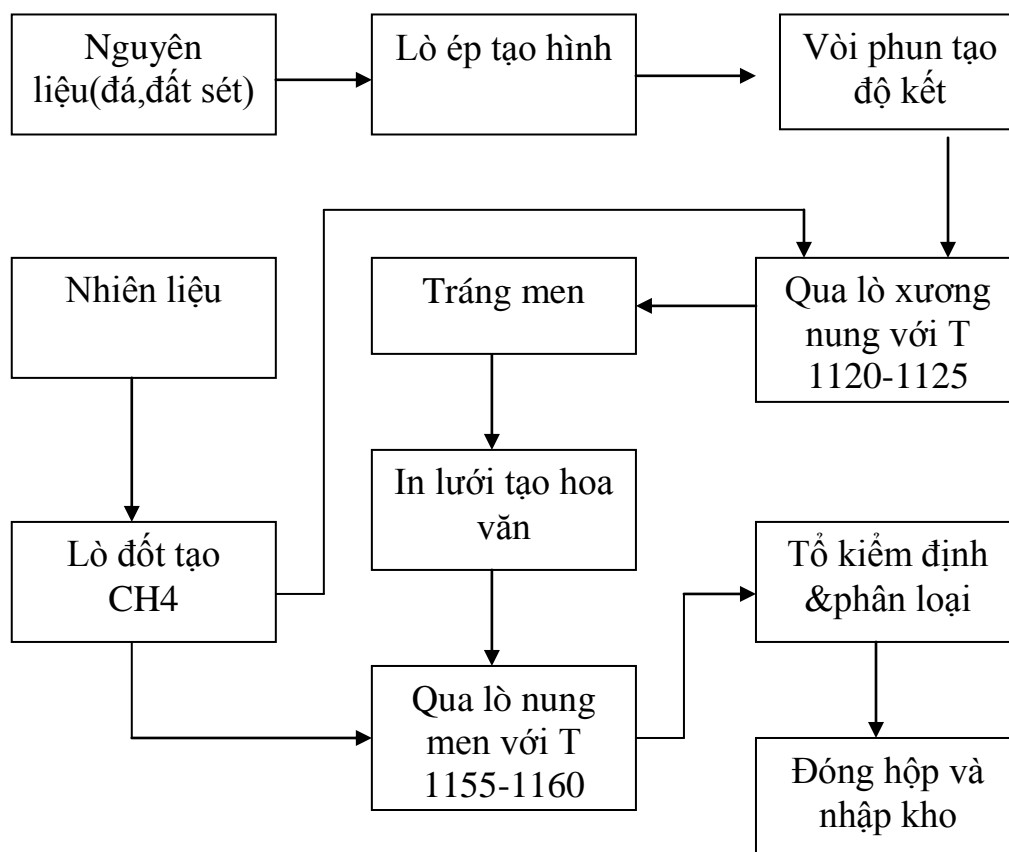
2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất.

Là một công ty chuyên sản xuất các loại gạch ốp lát và tiêu thụ trong cả nước. Sản phẩm chủ yếu là các loại gạch, ngoài ra công ty còn kinh doanh một số ngành nghề khác như:

- + Xây dựng công trình
- + Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế
- + Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải ; Bảo dưỡng xe.
- + Khai thác, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ quy trình công nghệ



Quy trình sản xuất sản phẩm trên được chia thành 3 phân xưởng:

❖ Phân xưởng xương:

- Nguyên liệu cho xương: Sau khi kế hoạch sản xuất được phòng Kỹ thuật công nghệ thiết lập và phòng Tài chính kế toán xét duyệt, nguyên vật liệu sẽ được xuất khỏi kho. Nguyên liệu cho xương gồm các loại đất sét, Feldspar, thủy tinh lỏng... được nạp bằng hệ thống tự động vào phễu định lượng rồi đưa vào máy nghiền để nghiền nhỏ thành bột liệu. Sau đó đưa qua máy sấy vào silo chứa. Bột liệu được tiếp tục trộn với nước để tạo ra hồ với độ ẩm thích hợp.

- Máy ép tạo hình: Hồ được bơm từ bể chứa vào phễu của máy ép tạo hình. Máy ép tạo hình cho xương và chuyển đến vòi phun nước tạo độ kết

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Vòi phun nước tạo độ kết: Xương mới hình thành qua máy ép chưa đủ độ kết nên cần phải chuyển qua vòi phun đặc biệt. Khi đã đạt độ kết dính, xương chạy trong dây chuyền tự động vào lò nung xương.

- Lò nung xương: Tại đây xương được nung với nhiệt độ 1120° C – 1125° C tạo thành gạch mộc. Sau đó gạch mộc được đưa sang phân xưởng men màu.

❖ Phân xưởng men màu:

- Nguyên liệu cho men màu: bao gồm Frit, Kaolin, Thạch anh, các loại màu... cũng được nạp bằng hệ thống tự động vào phễu định lượng rồi đưa vào máy nghiền để nghiền nhỏ thành bột, Bột men màu được tiếp tục trộn với nước để tạo thành hỗn hợp có độ lỏng thích hợp.

- Chuông tráng men lót (Engobe) và men phủ (Glaze): Gạch được tráng men bằng hệ thống chuông tráng men đĩa văng. Sau khi tráng xong men lót, gạch được chạy thẳng sang chuông tráng men phủ.

- Lưới in hoa văn: Gạch sau khi được tráng 2 lớp men sẽ chuyển sang lưới in hoa văn. Tùy thuộc vào từng mẫu gạch, độ phức tạp của hoa văn mà bố trí các lưới in. Gạch được in xong chuyển sang lò nung men.

- Lò nung men: tại đây gạch được nung với nhiệt độ 1155° C – 1160° C để gạch được bền men và màu rồi được làm nguội.

❖ Phân xưởng thành phẩm:

- Tổ kiểm tra, phân loại: Gạch được làm nguội chuyển theo dây chuyền tự động đến bộ phận kiểm tra, phân loại. Gạch thành phẩm đạt yêu cầu được chia làm 4 loại: loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 theo thứ tự chất lượng giảm dần.

- Tổ đóng hộp và nhập kho: Gạch được đóng hộp theo từng loại và nhập kho thành phẩm.

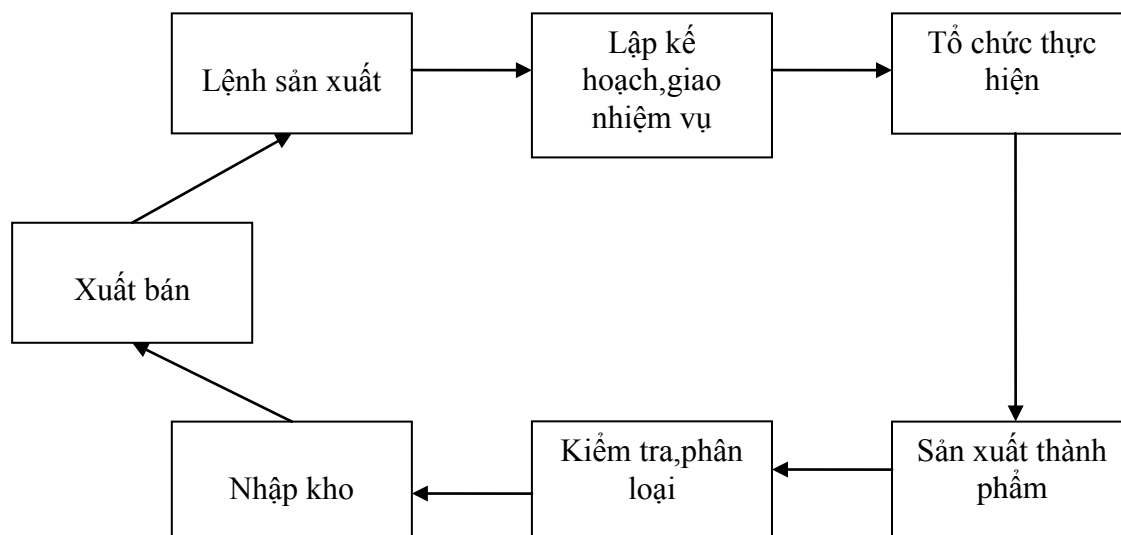
2.1.2.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt là sản xuất các loại gạch ốp lát và tiêu thụ trong cả nước. Các mẫu gạch được thiết kế bởi Prime Group, sau đó đưa về Công ty để tiến hành sản xuất.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt



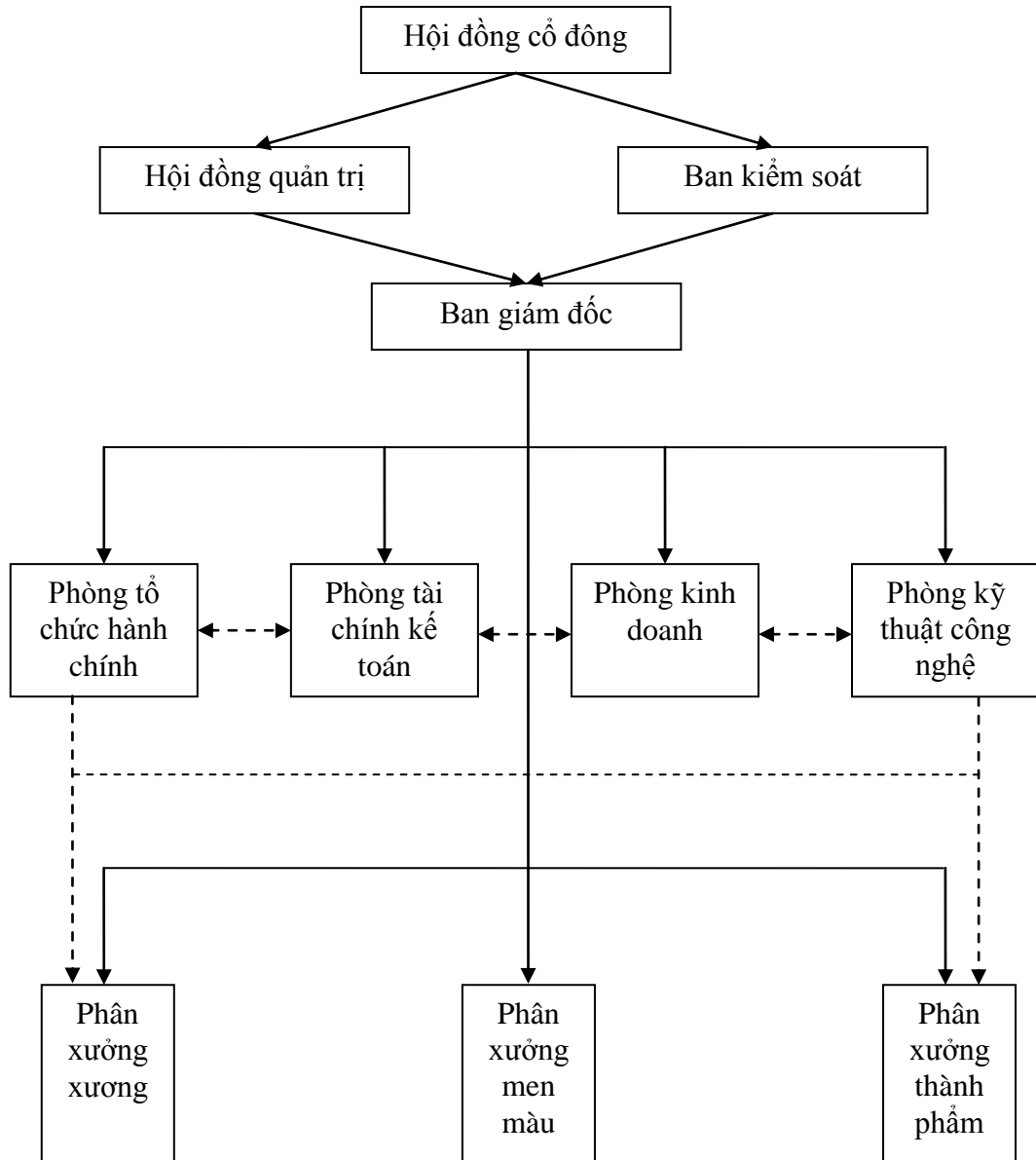
- Lệnh sản xuất: Căn cứ vào doanh số bán và số lượng gạch hiện tồn kho, Phòng Kinh doanh sẽ tính toán và đưa ra lệnh sản xuất.
- Lập kế hoạch, giao nhiệm vụ: Phòng Kỹ thuật công nghệ sẽ nhận lệnh sản xuất, tiến hành lập kế hoạch sản xuất và giao nhiệm vụ cho từng phân xưởng sản xuất.
- Tổ chức thực hiện: Quản lý phân xưởng sau khi nhận nhiệm vụ sản xuất sẽ tổ chức thực hiện, phân công cho từng tổ sản xuất.
- Sản xuất thành phẩm: Các tổ sản xuất tiến hành sản xuất
- Kiểm tra, phân loại: Sau quá trình sản xuất, gạch được kiểm tra chất lượng, phân loại và đóng gói.
- Nhập kho: Gạch thành phẩm được nhập kho thành phẩm
- Bán hàng: P. Kinh doanh tiến hành xuất bán cho các đại lý trên toàn quốc.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt là một đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt



Ghi chú

Quan hệ trực tuyến: —————>

Quan hệ chức năng: - - - - ->

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- Hội đồng cổ đông: là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty thông qua các báo cáo tài chính hàng năm

Mỗi năm triệu tập Đại hội đồng cổ đông hai lần.

- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Ban giám đốc:

❖ Giám đốc: là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty và có nghĩa vụ tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định tại “Điều lệ Công ty Cổ phần Prime Đại Việt”. Nhiệm vụ chính của giám đốc:

- Tổ chức bộ máy và tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
- Chỉ đạo và điều hành các phòng ban, phân xưởng sản xuất trong việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm; đưa ra các quy chế, quy định của công ty về quản lý, kỹ thuật...

❖ Phó giám đốc: là người được Giám đốc công ty ủy quyền chỉ đạo và điều hành công việc sản xuất. Nhiệm vụ chính của Phó giám đốc:

- Đại diện của lãnh đạo về chất lượng: chỉ đạo việc xây dựng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chỉ đạo và điều hành các phòng ban, phân xưởng sản xuất có liên quan trong việc thực hiện sáng kiến cải tiến; sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho công nhân viên chức...
- Các phòng ban:
 - ❖ Phòng Tổ chức hành chính:
 - Căn cứ vào chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động để triển khai thực hiện trong Công ty.
 - Phổ biến các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người lao động, các nội quy, quy chế của Công ty với người lao động.
 - Lập các kế hoạch về lao động và tiền lương.
 - Giúp ban giám đốc trong việc tuyển dụng, điều động, bố trí lao động...
 - ❖ Phòng kinh doanh:
 - Thực hiện phân phối cho hệ thống đại lý trên toàn quốc.
 - Khảo sát, nắm các thông tin về thị trường phục vụ cho công tác tiêu thụ, cho kế hoạch sản xuất.
 - Đưa ra lệnh sản xuất
 - ❖ Phòng kỹ thuật công nghệ:
 - Nhận lệnh sản xuất, tiến hành lập kế hoạch sản xuất và giao nhiệm vụ cho từng phân xưởng sản xuất.
 - Quản lý kỹ thuật sản xuất, giám sát quá trình sản xuất.
 - Quản lý máy móc, thiết bị trong Công ty, an toàn sản xuất và vệ sinh công nghiệp
 - Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới.
 - ❖ Phòng tài chính kế toán:
 - Ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh một cách đầy đủ, kịp thời nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

quan tâm, đặc biệt là để phục vụ cho việc quản lý và điều hành Công ty

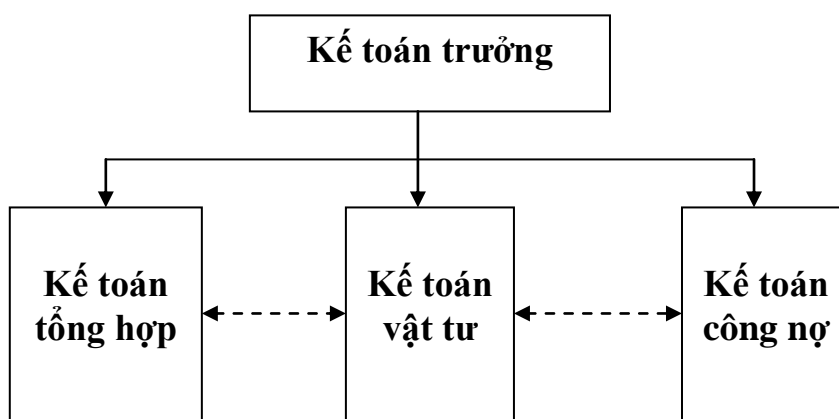
- Theo dõi tình hình sản xuất, tiêu thụ, giá thành sản phẩm
 - Theo dõi, quản lý công nợ, thanh toán, nguồn vốn...
 - Trích nộp đầy đủ các loại thuế theo quy định của pháp luật
 - Phân bổ lợi nhuận, giúp giám đốc sử dụng đúng quy định
- Bộ phận sản xuất:
- ❖ Quản đốc phân xưởng: là người đứng đầu mỗi phân xưởng, quản lý chung khâu sản xuất và giám sát về mặt kỹ thuật, tiến độ sản xuất
 - ❖ Tổ trưởng
 - Bao quát, đôn đốc và giám sát công nhân cả về kỹ thuật và năng suất lao động ở mỗi tổ
 - Theo dõi, ghi chép tình hình xuất nhập vật tư tại tổ mình quản lý

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty ngoài nhiệm vụ thực hiện tốt chức năng của mình còn tương tác, tạo ra môi quan hệ chặt chẽ, khăng khít cùng hướng tới mục đích chung của Công ty, giúp ban giám đốc điều hành, đưa ra những quyết định đúng đắn.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

2.1.4.1. Đặc điểm công tác kế toán

Sơ đồ bộ máy kế toán



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chú thích

—————→ Quan hệ chỉ đạo

←-----→ Quan hệ liên quan

❖ **Kế toán trưởng**

Theo quy chế quản lý của nhà nước và tập đoàn PRIME GROUP. Kế toán trưởng thay mặt hội đồng quản lý giám sát về mặt tài chính. Giúp việc và tư vấn cho Giám Đốc công ty về lĩnh vực tài chính, chiến lược sản xuất kinh doanh. Đảm bảo đúng theo pháp lệnh kế toán, điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước và điều lệ kế toán trưởng hiện hành, kết hợp với những điều kiện cụ thể của công ty.

Kế toán trưởng của công ty cổ phần Prime Đại Việt có những nhiệm vụ sau:

- Giúp GD công ty tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác Tài chính - kế toán, cung cấp thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế trong phạm vi toàn công ty theo đúng những quy định hiện hành của pháp luật.
- Phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên thực hiện kịp thời các chính sách, chế độ, thể lệ tài chính, kế toán của Nhà nước cũng như của công ty.
- Chịu trách nhiệm hoàn thành những quy chế quản lý Kế toán - Tài chính của công ty theo đúng quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm tra công tác Tài chính - Kế toán trong công ty.

❖ **Kế toán tổng hợp**

- Thực hiện nhiệm vụ ghi sổ sách kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày của công ty.
- Thực hiện việc nộp báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.
- Theo dõi kê khai quyết toán thuế VAT, thuế TNDN và các khoản thanh toán với ngân sách.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trách nhiệm kiểm tra đơn đốc kế toán viên về công nợ, thanh toán, thủ quỹ.

❖ Kế toán vật tư

- Hạch toán và kiểm tra tình hình biến động vật liệu, CCDC bổ sung thu nhập số liệu để đối chiếu và có quyết định đúng đắn trong việc điều chỉnh lượng dự trữ NVL trong kho, đồng thời theo dõi tình hình công nợ phải trả theo từng đối tượng
- Kế toán vật tư theo dõi 3 kho
 - ✓ Kho men màu
 - ✓ Kho xương
 - ✓ Kho công cụ, dụng cụ

❖ Kế toán công nợ

Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho đối với thành phẩm. Tình hình công nợ phải thu theo từng khách hàng. Báo cáo hàng ngày việc nhập, xuất, tồn với kế toán trưởng tạo điều kiện để kế toán trưởng nắm rõ tình hình sản xuất của công ty

❖ Bộ số kế toán

Hiện nay công ty Prime Đại Việt đang áp dụng quản lý trên phần mềm kế toán ERP của FPT cung cấp

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Công ty cập nhật chứng từ theo ngày và lập báo cáo hàng tháng. Từ đó đưa ra các biện pháp tài chính, lập kế hoạch thực hiện tháng sau, khắc phục những vấn đề còn tồn tại

Hình thức kế toán cty đang áp dụng là hình thức “Nhật ký chung”

2.1.4.2. Tổ chức công tác kế toán

Tùy theo mô hình doanh nghiệp, yêu cầu quản lý mà kế toán có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán đang được áp dụng trong doanh nghiệp như:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Kế toán máy(Nếu có)

❖ Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

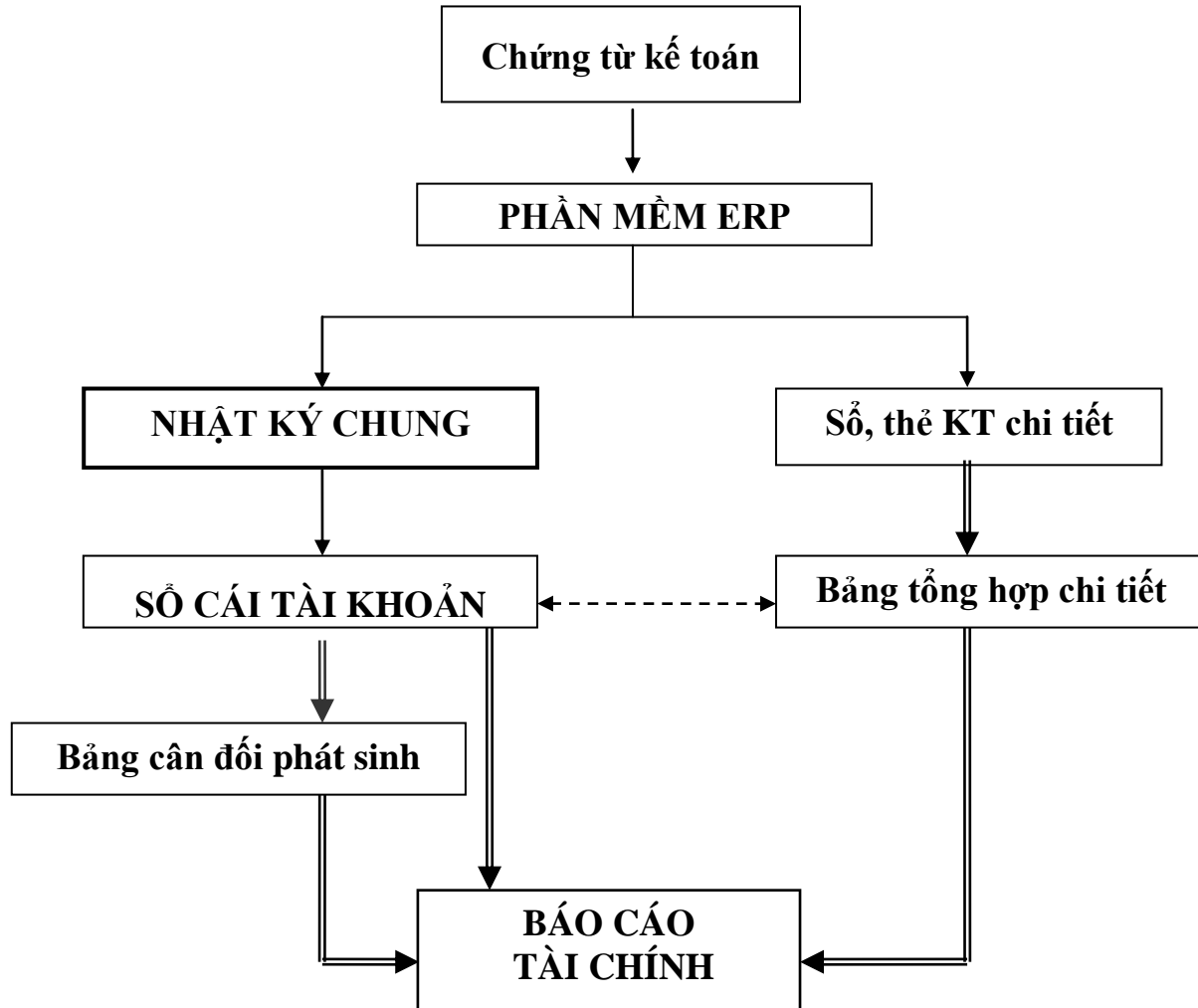
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng
- Hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung
- Doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao tuyến tính (theo đường thẳng).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định trị giá vật tư, thành phẩm xuất kho: Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ.

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật Ký Chung rất thuận tiện cho việc áp dụng tin học trong công tác kế toán và phù hợp với quy mô của Công ty đảm bảo cho việc cung cấp thông tin nhanh, chính xác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trình tự luân chuyển và xử lý chứng từ theo hình thức Nhật Ký Chung trong điều kiện áp dụng kế toán máy.



Chú thích

- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng
- - - - -> : Kiểm tra đối chiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.5. Những thuận lợi, khó khăn của công ty.

➤ Thuận lợi

Công ty luôn xác định được mục tiêu kinh doanh của mình nên đã có định hướng đúng đắn cho hoạt động SXKD

- Được sự giúp đỡ của các cơ quan cấp trên đặc biệt là của đơn vị chủ quản là tập đoàn PRIME GROUP trong việc tìm kiếm việc làm cho công ty trong những thời điểm công ty gặp khó khăn, giúp người lao động có việc làm tránh được tình trạng thất nghiệp.

- Được sự ưu đãi của UBND TP Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc đó là được thuê đất với giá ưu đãi và có vị trí thuận lợi trong việc kinh doanh

- Sản phẩm của công ty có chất lượng và mẫu mã khá bắt mắt nên đã thu hút được người tiêu dùng, tạo ra sức cạnh tranh đáng kể cho các đối thủ trên thị trường.

- Công ty có những chính sách hợp lý trong công tác bán hàng nên sản phẩm của công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, tận tâm, nhiệt tình luôn cố gắng hoàn thành suất sắc công việc của mình.

➤ Khó khăn:

- Do chưa tận dụng hết công suất làm việc của máy nên nhiều khi xảy ra hiện tượng cháy hàng ảnh hưởng đến uy tín và doanh thu của cty.

- Thị trường vật liệu xây dựng hiện nay ở nước ta đang khủng hoảng thừa do vậy cũng ảnh hưởng tới kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất của cty.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều loại sản phẩm gạch men khác nhau với giá cả cạnh tranh, do đó sức cạnh tranh của thị trường tương đối lớn gây khó khăn cho doanh nghiệp tìm đầu ra cho sản phẩm khi thị trường có biến động.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2. Thực trạng công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Tổ chức sản xuất của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt có đặc điểm nổi bật là sản xuất nhiều loại gạch ốp và lát khác nhau nhưng có chung quy trình sản xuất và có tính hiện đại hóa cao. Với 6 dây chuyền sản xuất liên tục, đồng bộ, Công ty có thể sản xuất bất kỳ loại gạch nào ở bất kỳ dây chuyền nào căn cứ theo kế hoạch sản xuất đưa ra. Như vậy, việc sản xuất gạch ốp lát ở Công ty Cổ phần Prime Đại Việt có tính đồng nhất cao. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các loại gạch là tương tự nhau. Vì vậy, trong chương 2 của khóa luận em xin nghiên cứu chủ yếu về “Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm gạch ốp Tiptop 201 trong tháng 9/2010”.

Với kích cỡ 20x25, màu trắng sáng, hoa văn chìm trang nhã, gạch ốp Tiptop 201 là một trong những sản phẩm chính của Công ty trong thời điểm hiện nay, có số lượng sản xuất và tiêu thụ lớn hàng tháng.

2.2.1. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

2.2.1.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến tính chính xác của thông tin kế toán. Nhận biết được tầm quan trọng này, Công ty đã xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trên cơ sở đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm sản phẩm.

Prime Đại Việt là Công ty chuyên sản xuất các loại gạch ốp lát với nhiều sản phẩm khác nhau. Tuy quy trình sản xuất có tính đồng nhất cao nhưng mỗi loại gạch lại sử dụng từng loại nguyên vật liệu khác nhau. Trong tổng chi phí sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

78%). Dựa trên đặc điểm đặc thù này mà Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm.

2.2.1.2. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

- ❖ Phương pháp trực tiếp: áp dụng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- ❖ Phương pháp gián tiếp: áp dụng để tập hợp chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

2.2.2. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu trực tiếp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong số những yếu tố đầu vào của sản xuất, nhất là khi nguyên vật liệu lại chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm như đặc điểm của loại hình sản xuất gạch ốp lát. Tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Do vậy, đòi hỏi việc cập nhật thường xuyên thông tin về nhập, xuất nguyên vật liệu.

Đặc điểm nguyên vật liệu trực tiếp của Công ty:

- Chủ yếu là nguyên vật liệu thô, đã qua sơ chế
- Chủng loại đa dạng, mỗi loại gạch sử dụng loại nguyên vật liệu khác nhau, theo tỷ lệ khác nhau.
- Nguyên vật liệu trực tiếp chỉ phát sinh ở 2 phân xưởng: phân xưởng xương và phân xưởng men màu

Nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm:

- Nguyên vật liệu chính (TK 1521): Các loại đất sét, Felspar, Frit, Thạch anh, Kaolin, Zircon...
- Nguyên vật liệu phụ (TK 1522): Phụ gia CMC, STPP Esmal, nước...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty sử dụng TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng sản phẩm

TK 621.201 là tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của gạch Tiptop 201.

Hàng ngày, theo kế hoạch sản xuất của phòng Kỹ thuật công nghệ tính ra nhu cầu nguyên vật liệu dựa trên định mức tiêu hao nguyên vật liệu của từng sản phẩm và lập phiếu đề nghị xuất nguyên vật liệu. Thủ kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng và chủng loại ghi trên phiếu đã được phê duyệt để tiến hành xuất nguyên vật liệu và ghi thẻ kho. Cuối tháng, kế toán nguyên vật liệu dựa vào các phiếu đề nghị xuất kho và số thực tế đã xuất để lập Phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho là chứng từ để ghi sổ kế toán, được lập thành 2 liên

- Liên 1: Kế toán nguyên vật liệu giữ để tiến hành đối chiếu cuối kỳ.
- Liên 2: Được giao cho nhân viên phân xưởng (đơn vị sử dụng) để cuối tháng làm báo cáo quyết toán vật tư sử dụng trong kỳ.

Hiện nay, Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, giá trị nguyên vật liệu xuất kho được xác định như sau:

$$\text{Giá trị NVL xuất kho} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất kho}}{\text{Số lượng NVL xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của} \\ \text{nguyên vật} \\ \text{liệu } i \text{ xuất} \\ \text{dùng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL } i \text{ tồn kho} \\ \text{đầu tháng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng trị giá thực tế NVL } i \\ \text{nhập kho trong tháng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL } i \text{ tồn} \\ \text{kho đầu tháng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL } i \text{ nhập kho} \\ \text{trong tháng} \end{array}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VD1: Ngày 30/09/2010, kế toán tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu sản phẩm hàng hóa theo dõi cho đất sét Hải Dương có các số liệu sau:

- Số lượng tồn kho đầu tháng: 45.000 kg với trị giá 23.400.000 đ

- Tổng lượng nhập trong tháng: 105.000 kg với trị giá 57.750.000 đ

$$\begin{array}{rcl} \text{Đơn giá bình} & & \\ \text{quân của đất sét} & = & \frac{23.400.000}{45.000} + \frac{57.750.000}{105.000} \\ \text{Hải Dương} & & \\ & = & 541 \text{ (đ)} \end{array}$$

Tương tự, kế toán tính ra được đơn giá xuất kho của các nguyên vật liệu sau:

DVT: đồng

Feldspar TQ	Frit Engobe	Thạch anh Đức Minh	Kaolin Phú Thọ	STPP Esmal
680	11.980	665	1.275	42.790

Sau khi tính được đơn giá xuất kho, kế toán tiến hành ghi Phiếu xuất kho theo số lượng yêu cầu đã được phê duyệt

Từ Phiếu xuất kho, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính, phần mềm kế toán xử lý dữ liệu, tự động ghi vào sổ chi tiết TK 152, Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 621.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số: 02-VT

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Nợ TK 621.201

Số : PX 210

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng : Vũ Văn Hùng

Địa chỉ (bộ phận) : Bộ phận sản xuất

Lý do xuất kho : Sản xuất gạch Tiptop 201

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đất sét Hải Dương	DSHD	kg	40.000	40.000	541	21.640.000
2	Felspar Tuyên Quang	FPTQ	kg	75.000	75.000	680	51.000.000
3	Frit Engobe	F4900	kg	12.500	11.000	11.980	131.780.000
4	Thạch anh Đức Minh	TADM	kg	15.000	15.000	665	9.975.000
5	Kaolin Phú Thọ	KLPT	kg	6.000	5.500	1.275	7.012.500
6	STPP Esmal (VLP)	AL240	kg	150	150	42.790	6.418.500
	Cộng						227.826.000

Tổng số tiền (bằng chữ) : hai trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm hai sáu nghìn đồng chẵn

Ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập phiếu

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn : Phòng tài chính kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số S10-DN

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 09 năm 2010

Tài khoản : 152 Tên kho : Kho nguyên vật liệu

Tên, quy cách vật liệu (sản phẩm, hàng hóa) : Đất sét Hải Dương

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							45.000	23.400.000
PN145	1/9	Nhập kho	331	540	90.000	48.600.000			135.000	72.000.000
PN151	1/9	Nhập kho	331	610	15.000	9.150.000			150.000	81.150.000
PX210	30/9	Sản xuất gạch Tiptop 201	621.201	541			40.000	21.640.000	110.000	59.510.000
PX211	30/9	Sản xuất gạch Tiptop 201	621.201	541			51.000	27.591.000	59.000	31.919.000
PX212	30/9	Sản xuất gạch Tiptop 201	621.201	541			21.500	11.631.500	37.500	20.287.500
		Cộng tháng			105.000	57.750.000	112.500	60.862.500		
		Số dư cuối kỳ							37.500	20.287.500

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3: Sổ nhật ký chung

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số S03a-DN

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2010

Đơn vị tính:

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
...
6736633	10/9	Chi phí tiền điện	627	459.843.300	
			331		459.843.300
...
PX210	30/9	Xuất NVL sản xuất gạch Tiptop 201	621	227.826.000	
			152		227.826.000
PX211	30/9	Xuất NVL sản xuất gạch Tiptop 201	621	305.324.210	
			152		305.324.210
PX212	30/9	Xuất NVL sản xuất gạch Tiptop 201	621	156.690.290	
			152		156.690.290
...
BPBTL	30/9	Chi phí nhân công trực tiếp	622	900.850.000	
			334		900.850.000
BPBTL	30/9	Các khoản trích theo lương	622	95.102.667	
			338		95.102.667
...
BPBKH	30/9	Trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất	627	3.782.158.431	
			214		3.782.158.431
...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 4: Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số:07-VT

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 9 năm 2010

STT	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	Ghi Có TK 152	Ghi Có TK 153
1	TK 621		
	- Tiptop 201	689.840.500	
	- Veronio 002	293.821.483	
	- Platino 711	818.956.610	
	
	Cộng TK 621	34.620.264.175	
2	TK 627		
	- Tiptop 201	59.618.444	410.770
	- Veronio 002	24.027.195	165.547
	- Platino 711	85.832.219	591.382

	Cộng TK 627	2.302.561.249	15.864.601
3	TK 641	103.453.600	1.150.500
4	TK 642	14.342.568	28.921.200

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 5: Sổ chi tiết tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số: S38-DN

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản : 621

Đối tượng : Gạch Tiptop 201

Loại tiền : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
PX210	30/9	Sản xuất gạch Tiptop	152	227.826.000	
PX211	30/9	Sản xuất gạch Tiptop	152	305.324.210	
PX212	30/9	Sản xuất gạch Tiptop	152	156.690.290	
		Kết chuyển NVL trực tiếp	154.201		689.840.500
		Cộng số phát sinh		689.840.500	689.840.500

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 6 :Sổ cái tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số:S03b-DN

Thôn Hán Lữ,Khai Quang,Vĩnh Yên,Vĩnh Phúc Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TRÍCH SỔ CÁI

Năm : 2010

Tên tài khoản :Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu:621

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh trong tháng			
30/9	PX210	30/9	Sản xuất Tiptop	152	227.826.000	
30/9	PX211	30/9	Sản xuất Tiptop	152	305.324.210	
30/9	PX212	30/9	Sản xuất Tiptop	152	156.690.290	
...	
30/9	PX225	30/9	Sản xuất Veronio 002	152	115.324.940	
...	
30/9	PX210	30/9	Sản xuất Platino 711	152	346.245.255	
...	
			Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	154		34.620.264.175
			Cộng số phát sinh		34.620.264.175	34.620.264.175

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.3. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất ở các phân xưởng. Tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất (lương khoán, lương làm việc ngày lễ, lương nghỉ ngày lễ, phụ cấp trách nhiệm) và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).

Do đặc điểm sản xuất tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, các loại gạch khác nhau đều được sản xuất bởi một quy trình công nghệ đồng nhất nên đều sử dụng chung một lượng lao động sống như nhau. Chi phí nhân công trực tiếp của Công ty được tập hợp chung cho toàn bộ ba phân xưởng sản xuất. Sau đó được phân bổ đều cho số lượng thành phẩm hoàn thành trong kỳ.

Biểu số 7: Bảng kê số lượng sản phẩm hoàn thành

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

TRÍCH BẢNG KÊ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM HOÀN THÀNH

Tháng 9 năm 2010

STT	Sản phẩm	Số lượng (m ²)
1	Tiptop 201	33.155
2	Tiptop 202	15.983
...
15	Veronio 002	13.362
16	Veronio ...	28.427
...
31	Platino 711	47.733
32	Platino ...	21.426
...
	Cộng	1.280.500

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất tại ba phân xưởng sản xuất rồi phân bổ cho từng sản phẩm theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

TK 622.201: tài khoản chi phí nhân công trực tiếp của gạch Tiptop 201.

Lương công nhân trực tiếp sản xuất:

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt bên cạnh hình thức tiền lương sản phẩm còn sử dụng hình thức tiền lương thời gian để trả lương công nhân nghỉ phép, nhân viên đi đào tạo, công tác hay công nhân làm thêm ca... Như vậy, chi phí nhân công trực tiếp của công ty gồm:

- Tiền lương trả theo sản phẩm (tiền lương khoán)
- Tiền lương trả theo thời gian
- Phụ cấp trách nhiệm
- Lương trả theo sản phẩm được xác định như sau:

$$\text{Lương khoán đơn vị} = \frac{\text{Quỹ lương khoán cho bộ phận}}{\text{Tổng số công trong tháng của bộ phận}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương theo sản phẩm} \\ \text{phải trả cho công nhân} \\ \text{sản xuất} \end{array} = \frac{\text{Số ngày công trong}}{\text{tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Lương khoán} \\ \text{đơn vị} \end{array}$$

- Tiền lương trả theo thời gian được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá tiền lương theo} \\ \text{ngày công} \end{array} = \frac{\text{Mức lương}}{26} \times \text{Ngày công}$$

Mức lương tối thiểu hiện tại Công ty đang áp dụng : 810.000đ/tháng

- Tiền phụ cấp trách nhiệm: Công ty trả phụ cấp trách nhiệm cho mỗi tổ trưởng ở tất cả các bộ phận là 200.000 đ/người/tháng.

Tại bộ phận sản xuất, việc phân công lao động được tiến hành một cách hợp lý, bảo đảm được quan hệ cân đối giữa người lao động và các yếu tố khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

của quá trình sản xuất để đạt hiệu quả lao động cao nhất. Công nhân trực tiếp sản xuất tại công ty có tay nghề cao, được đào tạo phù hợp với quy trình công nghệ, sản xuất 3 ca liên tục bảo đảm cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn.

Công nhân được phân thành 3 phân xưởng, do quản đốc phân xưởng phụ trách. Mỗi phân xưởng lại chia thành các tổ do tổ trưởng quản lý, chịu trách nhiệm trước quản đốc về công việc do tổ mình thực hiện. Hàng ngày các tổ trưởng theo dõi tình hình lao động của từng công nhân trong tổ và chấm công. Cuối tháng, các tổ trưởng tổng hợp bảng chấm công, phiếu báo ốm, báo nghỉ... gửi cho quản đốc phân xưởng duyệt. Quản đốc phân xưởng gửi lên cho phòng Tổ chức phê duyệt, sau đó chuyển sang cho phòng Tài chính kế toán.

Trên cơ sở các phiếu nhập kho thành phẩm cùng các chứng từ liên quan khác, lập bảng tổng hợp kết quả sản xuất và tính ra quỹ lương khoán cho bộ phận sản xuất. Công thức tính như :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng quỹ} \\ \text{lương khoán} \\ \text{theo định} \\ \text{mức} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số sản phẩm hoàn} \\ \text{thành trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá tiền lương khoán} \\ \text{định mức} \end{array}$$

Dựa trên cơ sở tổng quỹ lương khoán theo định mức, P.Tổ chức tiến hành phân bổ quỹ lương khoán theo số công nhân của từng tổ sản xuất:

$$\begin{array}{l} \text{Quỹ lương} \\ \text{khoán của tổ} \\ \text{sản xuất} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng quỹ lương khoán theo định} \\ \text{mức} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số công của toàn bộ ba} \\ \text{phân xưởng sản xuất} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số công của} \\ \text{tổ sản xuất đó} \end{array}$$

Trên quỹ lương khoán của tổ sản xuất và số công của từng công nhân trong tổ sản xuất đó, kế toán tính ra số tiền lương theo sản phẩm (lương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khoán) phải trả cho mỗi công nhân; tiền lương theo thời gian. Trên cơ sở đó lập Bảng thanh toán tiền lương.

Các khoản trích theo lương:

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định hiện hành với tỷ lệ trích đưa vào chi phí nhân công trực tiếp đối với công nhân trong toàn công ty như sau: BHXH 16%, BHYT 3%, KPCĐ 2%, BHTN 1% trên tiền lương cơ bản.

$$\text{Tiền lương cơ bản} = \text{Mức lương tối thiểu} \times \text{Hệ số lương cơ bản}$$

Tại công ty, tiền lương cơ bản chỉ dùng để tính các khoản trích theo lương và các khoản khấu trừ lương.

Các khoản khấu trừ lương:

Các khoản khấu trừ lương là các khoản BHXH, BHYT, BHTN, Đoàn phí mà người lao động phải chịu tính trên tổng tiền lương cơ bản. Cụ thể như sau: BHXH 6%, BHYT 1,5%, BHTN 1%, Đoàn phí 1%

Cuối tháng 9, căn cứ vào phiếu nhập kho thành phẩm biết được tổng số thành phẩm nhập kho trong tháng là: 1.280.500 m². Đơn giá tiền lương khoán định mức của công ty hiện nay là: 700 đ/m². Tổng số công của ba phân xưởng sản xuất là : 9.393 công

Tổng quỹ lương khoán theo định mức = 1.280.500 x 700 = 896.350.000 (đ)

$$\text{Quỹ lương khoán của tổ nghiên màu 1} = \frac{896.350.000}{9.393} \times 234 = \mathbf{22.330.022} \text{ (đ)}$$

Tương tự phân bổ quỹ lương khoán cho các tổ sản xuất khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 9: Bảng phân bổ quỹ lương định mức

Công ty cổ phần Prime Đại Việt
Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ QUỸ LƯƠNG ĐỊNH MỨC

Tháng 9 năm 2010

STT	Bộ phận	Số công	Số tiền
1	Phân xưởng xương		313.724.903
	Tổ nguyên liệu 1	305	29.105.371
	Tổ nguyên liệu 2	298	28.437.379

2	Phân xưởng men màu		358.642.487
	Tổ nghiền men 1	240	22.902.587

	Tổ nghiền màu 1	234	22.330.022

3	Phân xưởng thành phẩm		224.000.610
	Tổ kiểm tra, phân loại	154	14.695.827

	Tổ đóng hộp 1	133	12.691.850

	Cộng	9.393	896.350.000

VD: Tháng 9/2010 tính tiền lương của công nhân Nguyễn Thái (Tổ nghiền men 1- Phân xưởng men màu). Dựa vào Bảng chấm công của tổ nghiền men 1 (Biểu số 8); Bảng phân bổ quỹ tiền lương định mức (Biểu số 9).

Ta có: Quỹ lương khoán cho tổ nghiền màu 1 : 22.330.022(đ)

Tổng số công của tổ nghiền màu 1 : 234

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số công hưởng lương sản phẩm : 25

Số công hưởng lương thời gian : 3

Hệ số lương cơ bản : 2.07

Lương công nhân trực tiếp sản xuất:

- Tiền lương trả theo sản phẩm (tiền lương khoán)

$$\text{Lương khoán đơn vị} = \frac{22.330.022}{234} = \mathbf{95.427 \text{ (đ/công)}}$$

$$\text{Tiền lương theo sản phẩm phải trả cho công nhân sản xuất} = 25 \times 95.427 = \mathbf{2.385.675 \text{ (đ)}}$$

- Tiền lương trả theo thời gian

Mức lương trả theo thời gian: 1.800.000 đ/công

$$\text{Tiền lương theo ngày công} = \frac{1.800.000}{26} \times 3 = \mathbf{207.692 \text{ (đ)}}$$

Vậy tổng tiền lương phải trả cho Nguyễn Thái là:

$$\mathbf{2.385.675 + 207.692 = 2.593.367 \text{ (đ)}}$$

Các khoản trích theo lương: 368.872 (đ)

$$\text{BHXH} : 810.000 \times 2,07 \times 16\% = 268.272(\text{đ})$$

$$\text{BHYT} : 810.000 \times 2,07 \times 3\% = 50.301(\text{đ})$$

$$\text{BHTN} : 810.000 \times 2,07 \times 1\% = 16.767(\text{đ})$$

$$\text{KPCĐ} : 810.000 \times 2,07 \times 2\% = 33.534(\text{đ})$$

Các khoản khấu trừ lương : 159.287(đ)

$$\text{BHXH} : 810.000 \times 2,07 \times 6\% = 100.602(\text{đ})$$

$$\text{BHYT} : 810.000 \times 2,07 \times 1,5\% = 25.151(\text{đ})$$

$$\text{BHTN} : 810.000 \times 2,07 \times 1\% = 16.767(\text{đ})$$

$$\text{Đoàn phí} : 810.000 \times 2,07 \times 1\% = 16.767(\text{đ})$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiền lương thực lĩnh của Nguyễn Thái là:

$$2.593.367 - 159.287 = 2.434.080 (\text{đ})$$

Kế toán tập hợp tất cả các Bảng thanh toán tiền lương của các tổ sản xuất, tính ra được tổng lương và các khoản trích theo lương phải trả trong tháng 9 năm 2010 cho toàn bộ bộ phận sản xuất là : 995.952.667 (đ)

Trong đó: Tiền lương trả cho công nhân trực tiếp là : 900.850.000 (đ)

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí : 95.102.667 (đ)

BHXH : 69.165.576(đ)

BHYT : 12.968.546(đ)

BHTN : 4.322.849(đ)

KPCĐ : 8.645.696(đ)

Cuối tháng, kế toán tiến hành phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các loại gạch thành phẩm trong tháng. Công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí nhân} \\ \text{công trực tiếp của} \\ \text{loại gạch } i \end{array} = \frac{\text{Số thành phẩm của loại} \\ \text{gạch } i}{\text{Tổng số thành phẩm}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí nhân} \\ \text{công sản xuất của} \\ \text{toàn bộ bộ phận sản} \\ \text{xuất} \end{array}$$

Căn cứ vào số gạch sản xuất được trong kỳ, ta tính ra chi phí nhân công trực tiếp của gạch Tiptop 201 trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí tiền lương của} \\ \text{nhân công trực tiếp} \\ \text{gạch Tiptop 201} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 995.952.667 = \mathbf{25.806.785(\text{đ})}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương của công} \\ \text{nhân trực tiếp} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 900.850.000 = \mathbf{23.325.051(\text{đ})}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Trích KPCĐ} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 8.645.696 = \mathbf{223.856(d)}$$

$$\text{Trích BHXH} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 69.165.576 = \mathbf{1.790.851(d)}$$

$$\text{Trích BHYT} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 12.968.546 = \mathbf{335.785(d)}$$

$$\text{Trích BHTN} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 4.322.849 = \mathbf{111.928(d)}$$

Cuối tháng , kế toán tập hợp Bảng thanh toán lương của toàn công ty để lập Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương và vào sổ chi tiết TK 622.201- Chi phí nhân công trực tiếp gạch Tiptop 201.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 8: Bảng chấm công

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Mẫu số: 01a-LĐTL

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Bảng chấm công

Tháng 9 năm 2010

Bộ phận: Tổ nghiên màu 1

STT	Họ tên	Ngày công											Số công
		1	2	3	4	5	...	26	27	28	29	30	
1	Trần Công Thắng	x	x	x		x		x	x	x	x	x	27
2	Trần Minh Đức	x	x		x	x	x	x	x	x	x		28
3	Nguyễn Thái	x	x	x	x		x	x		x	x	x	28
4	Vũ Tuấn Anh	x	x		x		x		x	x	x	x	27
5	Ngô Thanh Hà	x	x	x		x		x	x	x	x	x	27
6	Nguyễn Quang Vũ	x	x		x	x	x		x	x	x	x	27
7	Nguyễn Duy Hưng	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	28
8	Đoàn Anh Dũng	x	x	x	x	x	x	x	x		x		27
9	Lê Tuấn Tiến	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	28
10	Tạ Thanh Bình	x		x	x	x	x	x	x	x		x	27
11	Vũ Hồng Giang	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	27

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 9: Bảng thanh toán lương

Bảng lương tháng 9/2010

Họ và tên	Lương	Phụ cấp	Tổng thu nhập	Các khoản giảm trừ BHXH; BHYT ; BHTN; KPCĐ	Thực lĩnh	Các khoản giảm trừ BHXH; BHYT ; BHTN; KPCĐ	
						Từ công ty	Cộng
1	3	4	5				14
I. Quản lý sản xuất	70.250.000	1.100.000	71.350.000	3.770.550	67.579.450	8.731.800	12.502.350
II. Bộ phận kinh doanh	44.127.615	1.240.000	45.367.615	2.023.016	43.344.599	4.684.878	6.707.894
III. Bộ phận QLXP							
1. Quản đốc trực ca	17.335.310	510.000	17.845.310	625.604	17.219.707	1.448.766	2.074.370
2. Kỹ thuật công nghệ	42.774.184	780.000	43.554.184	1.762.155	41.792.029	4.080.780	5.842.935
.....							
Cộng lương QLXP	270.187.568	4.570.000	274.757.568	4.809.375	269.948.193	13.365.000	18.174.375
IV. Bộ phận sản xuất							
1. Phân xưởng xương	313.724.903	1.200.000	314.924.903	13.689.020	302.235.883	29.918.889	43.608.091
2. Phân xưởng men màu	358.642.487	1.350.000	359.992.487	14.235.750	345.756.737	32.967.000	47.202.750
.....							
Cộng lương CN sản xuất	896.350.000	4.500.000	900.850.000	41.067.061	859.782.939	95.102.667	136.169.728
Tổng cộng	1.280.915.183	11.410.000	1.292.325.183	51.670.002	1.240.655.181	121.884.345	173.554.347

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 10: Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 9 năm 2010

STT	Ghi Nợ	Ghi có TK 334	Ghi có TK 3382	Ghi có TK 3383	Ghi có TK 3384	Ghi có TK 3389
1	TK 622					
	- Tiptop 201	23.325.051	223.856	1.790.851	335.785	111.928
...
	Cộng TK 622	900.850.000	8.645.696	69.165.576	12.968.546	4.322.849
2	TK 627					
	- Tiptop 201	7.114.086	31.459	215.672	47.189	15.730
				
	Cộng TK 627	274.757.568	1.215.000	9.720.000	1.822.500	607.500
3	TK 642	71.350.000	793.800	6.350.400	1.190.700	396.900
4	TK 641	45.367.615	425.898	3.407.184	638.847	212.949
	Tổng cộng	1.292.325.183	11.080.395	88.643.160	16.620.593	5.540.198

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11:Sổ chi tiết tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt
Thôn Hán Lữ,Khai Quang,Vĩnh Yên,Vĩnh Phúc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản :Chi phí nhân công trực tiếp gạch Tiptop 201

Số hiệu tài khoản : 622.201

Tên sản phẩm :Gạch Tiptop 201

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh trong kỳ			
BPBTL	30/9	Phân bổ tiền lương	334	23.325.051	
BPBTL	30/9	Trích KPCĐ	3382	223.856	
BPBTL	30/9	Trích BHXH	3383	1.790.851	
BPBTL	30/9	Trích BHYT	3384	335.785	
BPBTL	30/9	Trích BHTN	3389	111.928	
		Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		25.787.471
		Cộng số phát sinh		25.787.471	25.787.471

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12: Sổ cái tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu TK : 622

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
30/9	BTTTL	30/9	Tiền lương công nhân trực tiếp	334	900.850.000	
30/9	BTTTL	30/9	Trích KPCĐ	3382	8.645.696	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHXH	3383	69.165.576	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHYT	3384	12.968.546	
30/9	BTTTL	30/9	Trích BHTN	3389	4.322.849	
			Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		995.952.667
			Cộng số phát sinh		995.952.667	995.952.667

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những chi phí bỏ ra để phục vụ sản xuất cho toàn bộ bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung phát sinh trong tất cả các phân xưởng, tổ đội sản xuất bao gồm chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí CCDC, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627- chi phí sản xuất chung, chi tiết theo TK cấp 2:

- TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272: Chi phí vật liệu
- TK 6273: Chi phí công cụ dụng cụ
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6275: Chi phí tiền ăn ca
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278: Chi phí khách bằng tiền

Kế toán tổng hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh tại ba phân xưởng và các tổ, đội phụ trợ. Cuối tháng, căn cứ vào tổng số gạch hoàn thành và số gạch thành phẩm của từng loại để phân bổ các khoản chi phí sản xuất chung cho từng loại gạch theo công thức như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất chung của loại gạch } i = \frac{\text{Số gạch thành phẩm loại } i}{\text{Tổng số gạch thành phẩm trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí sản xuất chung của loại gạch } i \text{ của toàn bộ bộ phận sản xuất}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Chi phí nhân viên phân xưởng

Tiền lương và các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng, công nhân phục vụ sản xuất, công nhân ở các tổ, đội phụ trợ (đội xe nâng, tổ cơ điện...). Việc hạch toán tiền lương của nhân viên phân xưởng giống hạch toán tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Kế toán lấy số liệu của tổng tiền lương và các khoản trích theo lương từ Bảng thanh toán lương để phân bổ cho từng sản phẩm.

Căn cứ vào số lượng gạch sản xuất trong kỳ, tính ra chi phí nhân viên phân xưởng cho gạch Tiptop 201 trong kỳ là:

$$\text{Chi phí nhân viên phân xưởng} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 288.122.568 = 7.460.136(\text{đ})$$

Trong đó:

$$\text{Tiền lương nhân viên phân xưởng gạch Tiptop 201} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 274.757.568 = \mathbf{7.114.086(\text{đ})}$$

$$\text{Trích KPCĐ} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 1.215.000 = \mathbf{31.459(\text{đ})}$$

$$\text{Trích BHXH} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 9.720.000 = \mathbf{215.672(\text{đ})}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Trích BHYT} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 1.822.500 = \mathbf{47.189 (\text{đ})}$$

$$\text{Trích BHTN} = \frac{33.155}{1.280.500} \times \mathbf{607.500} = \mathbf{15.730(\text{đ})}$$

❖ Chi phí vật liệu

Chi phí vật liệu gồm các vật liệu phục vụ gián tiếp cho quá trình sản xuất như gas, dầu máy, xăng xe, các vật liệu thay thế (bi sắt, lưới in...). Cuối kỳ, kế toán tập hợp tất cả các phiếu xuất kho để phân bổ cho từng sản phẩm theo số thành phẩm nhập kho trong kỳ.

Tổng giá trị vật liệu xuất trong kỳ cho sản xuất chung là: 2.302.561.249 đ, phân bổ cho gạch Tiptop 201 như sau

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí vật liệu} \\ \text{của gạch} \\ \text{Tiptop201} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 2.302.561.249 = \mathbf{59.618.444(\text{đ})}$$

Kế toán tiến hành phân bổ vào bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và ghi bút toán:

Nợ TK 6272(6272.201) :59.618.444

Có TK 152 :59.618.444

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Chi phí công cụ dụng cụ

Bao gồm các công cụ dụng cụ như: chổi công nghiệp, dây đai...

Những công cụ dụng cụ này có giá trị nhỏ nên kế toán phân bổ một lần.

Cuối tháng, kế toán tập hợp tất cả các phiếu xuất kho để phân bổ công cụ dụng cụ xuất dùng cho từng sản phẩm theo số thành phẩm nhập kho trong tháng. Tổng giá trị công cụ dụng cụ phân bổ một lần cho sản xuất chung trong kỳ là 15.864.601 đ, phân bổ cho gạch Tiptop 201 như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí CCDC} \\ \text{cho gạch Tiptop} \\ \text{201} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 15.864.601 = \mathbf{410.770(\text{đ})}$$

Kế toán tiến hành phân bổ và ghi bút toán

Nợ TK 6273(6273.201) :410.770

Có TK 153 :410.770

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Chi phí khấu hao TSCĐ

Là một doanh nghiệp sản xuất với sáu dây chuyền tự động hóa nhập khẩu từ Italia, TSCĐ chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty (151.192.046.715 đ chiếm 50,6%). Công ty khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, công thức như sau:

$$\text{Mức khấu hao hàng tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng}} \times \frac{1}{12}$$

Cuối tháng, kế toán tiến hành tính và phân bổ khấu hao cho từng sản phẩm. Tổng chi phí khấu hao của toàn bộ bộ phận sản xuất là 3.782.158.431 đ. Chi phí khấu hao của gạch Tiptop 201 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí khấu hao} \\ \text{TSCĐ của gạch} \\ \text{Tiptop 201} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 3.782.158.431 = \mathbf{97.928.514(\text{đ})}$$

Kế toán tiến hành phân bổ và ghi bút toán:

$$\begin{array}{ll} \text{Nợ TK 6274(6274.201)} & : 97.928.514 \\ \text{Có TK 214} & : 97.928.514 \end{array}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14. Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 9 năm 2010

STT	Ghi Nợ	Ghi Có TK 214
1	TK 627 (6274)	
	- Tiptop 201	97.928.514
	- Veronio 002	39.466.772
	- Platino 711	140.986.934

	Cộng TK 627	3.782.158.431
2	TK 641	211.452.078
3	TK 642	102.864.254
	Tổng cộng	4.096.474.763

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Tiền ăn ca

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt dùng TK 6275 để hạch toán tiền ăn ca phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên phân xưởng. Cuối kỳ, kế toán tập hợp số liệu về tiền ăn ca phát sinh ở nhà ăn là 109.989.000 đ. Chi phí tiền ăn ca phân bổ cho gạch Tiptop 201 là:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí tiền ăn ca} \\ \text{phân bổ cho gạch} \\ \text{Tiptop} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 109.989.000 = \mathbf{2.847.860(\text{đ})}$$

Kế toán ghi bút toán:

Nợ TK 6275(6275.201)	:2.847.860
Có TK 331	:2.847.860

❖ Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là chi phí tiền điện sử dụng chung cho toàn bộ bộ phận sản xuất và một số chi phí thường xuyên khác thuộc khoản mục này. Các chi phí này cũng được tập hợp chung cho các phân xưởng tổ đội. Cuối kỳ, kế toán phân bổ cho từng sản phẩm. Trong tháng 9 năm 2010, tổng chi phí dịch vụ mua ngoài là 2.198.820.288 đ, phân bổ cho gạch Tiptop 201 là:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí dịch vụ} \\ \text{mua ngoài phân} \\ \text{bổ cho gạch} \\ \text{Tiptop 201} \end{array} = \frac{33.155}{1.280.500} \times 2.198.820.288 = \mathbf{56.932.350(\text{đ})}$$

Kế toán ghi bút toán:

Nợ TK 6277(6277.201)	:56.932.350
Có TK 331	:56.932.350

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 15:Sổ chi tiết tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt
Thôn Hán Lữ,Khai Quang,Vĩnh Yên,Vĩnh Phúc

Sổ chi tiết tài khoản

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản :Chi phí sản xuất chung gạch Tiptop 201

Số hiệu tài khoản : 627.201

Tên sản phẩm :Gạch Tiptop 201

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số phát sinh trong kỳ			
BPBTL	30/9	Phân bổ tiền lương	334	7.114.086	
BPBTL	30/9	Các khoản trích theo lương	338	310.050	
BPBNVL, CCDC	30/9	Phân bổ vật liệu	152	59.618.444	
BPBNVL, CCDC	30/9	Phân bổ CCDC	153	410.770	
BPBKH	30/9	Phân bổ khấu hao TSCĐ	214	97.928.514	
PB07	30/9	Phân bổ tiền ăn ca	331	2.847.860	
PB08	30/9	Phân bổ chi phí dịch vụ mua ngoài	331	56.932.350	
		Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		225.162.074
		Cộng số phát sinh		225.162.074	225.162.074

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16:Sổ cái tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ,Khai Quang,Vĩnh Yên,Vĩnh Phúc

TRÍCH SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản :Chi phí sản xuất chung

Số hiệu tài khoản :627

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
10/9	6736633	10/9	Chi phí tiền điện	331	459.843.300	
30/9	PX245	30/9	Xuất vật liệu bảo dưỡng máy	152	2.546.765	
30/9	PX246	30/9	Xuất dây đai,lưới in thay thế	153	7.456.000	
30/9	BTTTL	30/9	Lương nhân viên phân xưởng	334	274.757.568	
30/9	BTTTL	30/9	Các khoản trích theo lương	338	13.365.000	
30/9	BB08	30/9	Tiền ăn ca	331	109.989.000	
30/9	BPBKH	30/9	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận sản xuất	214	3.782.158.431	
...
			Kết chuyển chi phí sản xuất chung	154		8.563.421.239
			Cộng số phát sinh		8.563.421.239	8.563.421.239

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.5. Tổng hợp chi phí sản xuất

Công ty sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tổng hợp tất cả chi phí sản xuất. TK 154 được chi tiết cho từng sản phẩm, cụ thể:

TK 154.201 là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của gạch Tiptop 201.

Cuối tháng, kế toán thực hiện kết chuyển các TK chi phí sản xuất sang bên nợ của TK 154 theo từng sản phẩm. Bút toán kết chuyển cho gạch Tiptop 201 như sau:

○ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Nợ TK 154.201 : 689.840.500

Có TK 621.201 : 689.840.500

○ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 154.201 : 25.806.785

Có TK 622.201 : 25.806.785

○ Kết chuyển chi phí sản xuất chung

Nợ TK 154.201 : 225.162.074

Có TK 6271.201 : 7.424.136

Có TK 6272.201 : 59.618.444

Có TK 6273.201 : 410.770

Có TK 6274.201 : 97.928.514

Có TK 6275.201 : 2.847.860

Có TK 6277.201 : 56.932.350

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 17:Sổ chi tiết tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ,Khai Quang,Vĩnh Yên,Vĩnh Phúc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản :Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gạch Tiptop 201

Số hiệu TK : 154.201

Tên sản phẩm :Gạch Tiptop 201

NT	Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
			Nợ	Có
	Số dư đầu kỳ		20.424.435	
	Số phát sinh trong kỳ			
30/9	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp		689.840.500	
30/9	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622.201	25.806.785	
30/9	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627.201	225.162.074	
30/9	Nhập kho thành phẩm	155.201		952.905.044
	Cộng số phát sinh		940.809.359	952.905.044
	Số dư cuối kỳ		8.328.750	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18:Sổ cái tài khoản

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2010

Tên tài khoản : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu tài khoản : 154

NT	Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
			Nợ	Có
	Số dư đầu kỳ		101.345.249	
	<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			
30/9	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	621	34.620.264.175	
30/9	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622	995.952.667	
39/9	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	8.563.421.239	
30/9	Nhập kho thành phẩm	155		
	Cộng số phát sinh		44.179.638.081	44.404.838.755
	Số dư cuối kỳ		123.855.425	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.3. Kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Sản phẩm dở dang của quá trình sản xuất chỉ phát sinh tại hai phân xưởng là phân xưởng xương và phân xưởng men màu. Hiện nay, công ty Cổ phần Prime Đại Việt đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Phương pháp này là hoàn toàn hợp lý với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty, chi phí NVL trực tiếp chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 78%). Theo phương pháp này thì giá trị SPDD bao gồm chi phí NVL chính, NVL phụ và nhiên liệu. Còn các chi phí nhân công trực tiếp, chi phí SXC được kế toán phân bổ hết cho sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

Hàng tháng, một ban kiểm kê tại công ty được thành lập gồm kế toán, quản đốc và tổ trưởng các tổ sản xuất. Ban này có trách nhiệm cân đo xác định khối lượng cụ thể và lập Biên bản kiểm kê. Kế toán căn cứ vào số lượng thực tế qua kiểm kê và định mức từng loại NVL nằm trong SPDD và xác định số lượng NVL cụ thể từng loại tồn trong SPDD của tháng. Riêng chi phí về nhiên liệu, để tính lượng chi phí nằm trong SPDD cuối kỳ, kế toán căn cứ vào định mức tiêu thụ than của công đoạn nung xương ($2,2\text{kg}/\text{m}^2$). Định mức này được xây dựng trên cơ sở thống kê kinh nghiệm.

Giá trị SPDD đầu kỳ của gạch Tiptop 201 là: 20.424.435 đ, của cả hai phân xưởng là 101.345.249 đ

Vào ngày 30/9, ban kiểm kê tiến hành kiểm kê SPDD của gạch Tiptop 201 tại phân xưởng xương và men màu. Số liệu kiểm kê có được như sau:

Tại phân xưởng xương có 245 m² gạch mộc

Tại phân xưởng men màu có 100,3 kg hỗn hợp men lót (Engobe)

111,5 kg men phủ (Glaze)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19: Bảng tổng hợp giá trị sản phẩm dở dang

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ SẢN PHẨM DỒ DANG

Gạch Tiptop 201

Tháng 9 năm 2010

TT	Nội dung	Xương	Engobe	Glaze	ĐV	Tỷ lệ	Đơn giá	Thành tiền
1	Đất sét HD	661,5	-	-	kg	20	541	357.871
2	Feldspar TQ	595,4	-	-	kg	18	680	404.872
3	Đất sét NB	1.190,7	-	-	kg	36	695	827.536
...
11	Frit Engobe	-	49,1	-	kg	49	11.980	588.218
12	Thạch anh ĐM	-	6,0	-	kg	6	665	3.990
...
25	Frit đục	-	-	55,8	kg	50	13.755	767.529
26	Kaolin	-	-	7,8	kg	7	1.275	9.945
...
33	NL (than)	539	-	-	kg		2.476	1.334.564
	Tổng cộng							8.328.750

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.4. Thực trạng công tác tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

2.4.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành

Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, Công ty Cổ phần Prime Đại Việt sản xuất nhiều loại gạch ốp lát khác nhau, tập hợp chi phí sản xuất riêng cho từng sản phẩm nên đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng của mỗi loại.

Để xác định kỳ tính giá thành sản phẩm cho từng đối tượng tính giá thành thì phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và chu kỳ sản xuất sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty có chu kỳ rất ngắn, số lượng thành phẩm nhập kho hàng ngày lớn nên Công ty chọn kỳ tính giá là tháng. Việc này giúp cung cấp thông tin về giá thành sản phẩm được cập nhật kịp thời, nhất là khi giá cả thị trường biến động như thời gian gần đây.

2.4.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt được xác định theo phương pháp giản đơn, công thức như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm hoàn} \\ \text{thành trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{SXDD} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát} \\ \text{sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{chi phí} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{SPDD} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Giá thành đơn vị} \\ \text{của gạch Tiptop 201} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Tổng giá thành gạch Tiptop 201 hoàn thành trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Số lượng gạch Tiptop 201 hoàn thành trong kỳ} \end{array}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ chi phí nên giá thành của sản phẩm gạch Tiptop 201 là:

$$\begin{aligned} \text{Tổng giá thành sản phẩm gạch Tiptop 201 hoàn thành trong kỳ} &= 20.424.435 + 940.809.359 - 8.328.750 \\ &= \mathbf{952.905.044 (\text{đ})} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá thành đơn vị gạch Tiptop 201} &= \frac{952.905.044}{33.155} = \mathbf{28.740 (\text{đ}/\text{m}^2)} \end{aligned}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 20: Thẻ tính giá thành sản phẩm

Công ty cổ phần Prime Đại Việt

Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Gạch Tiptop 201

Tháng 9 năm 2010

Số lượng sản phẩm hoàn thành: 33.155 m²

Đơn vị tính: VND

Khoản mục chi phí	Chi phí SXDD đầu kỳ	Chi phí sản xuất trong kỳ	Chi phí SXDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
Chi phí NVL trực tiếp	20.424.435	689.840.500	8.328.750	701.936.185	21.171
Chi phí nhân công trực tiếp	0	25.806.785	0	25.806.785	778
Chi phí sản xuất chung	0	225.162.074	0	225.162.074	6.791
Cộng	20.424.435	940.809.359	8.328.750	952.905.044	28.740

Ngày 30 tháng 9 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME ĐẠI VIỆT

3.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Tại các doanh nghiệp sản xuất, để tạo ra sản phẩm đòi hỏi doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều chi phí, bao gồm cả chi phí lao động sống và chi phí lao động vật hóa. Việc tập hợp các khoản chi phí này cho phép tính được tổng chi phí đã bỏ ra, giá thành sản xuất của sản phẩm, từ đó xác định được mức giá bán tối thiểu của các sản phẩm để hoàn vốn và thu về lợi nhuận.

Trong công tác quản lý doanh nghiệp, CPSX và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như năng lực quản lý và sử dụng các yếu tố đầu vào. Do đó, thông tin về CPSX và tính giá thành sản phẩm luôn được các nhà quản lý quan tâm. Các thông tin này giúp nhà quản lý định hướng, đưa ra những quyết định phù hợp.

Mặt khác, công tác kế toán tập hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm thường chiếm một khối lượng lớn trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp sản xuất và chi phối đến kết quả hoạt động SXKD nên các doanh nghiệp luôn hết sức chú trọng đến hoàn thiện phần hành này.

Như vậy, hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một yêu cầu tất yếu. Góp phần không nhỏ vào sự thành công trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị, góp phần tăng sức mạnh của doanh nghiệp.

3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Prime Đại Việt từ khi thành lập cho tới nay đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện ở

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chặng đường phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm cùng với sự mở rộng không ngừng quy mô sản xuất khiến sản phẩm của công ty ngày càng thích nghi với nhu cầu của thị trường, tạo điều kiện để từng bước hòa nhập với xu thế phát triển chung của nền kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường, ngay từ khi thành lập, Công ty Cổ phần Prime Đại Việt đã có những bước phát triển khá nhanh. Sự năng động, linh hoạt cùng với việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác kế toán tại công ty đã từng bước phát huy hiệu quả, giảm bớt khối lượng ghi chép, hạch toán và cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời cho ban lãnh đạo, giúp ban lãnh đạo đưa ra những quyết định đúng đắn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được việc đưa ra các giải pháp phù hợp trong điều kiện hiện nay chỉ có thể thực hiện trên cơ sở phân tích đánh giá một cách đầy đủ, khách quan tình hình quản lý của công ty mà nội dung chủ yếu là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty luôn cố gắng nghiên cứu tìm ra những biện pháp cụ thể về quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp với điều kiện cụ thể của mình. Song nói như vậy không có nghĩa là không có những hạn chế trong công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập lần đầu tiên quen với thực tế, em xin nêu một số ý kiến nhận xét về tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt nói riêng như sau:

3.2.1. Ưu điểm

- *Về tổ chức bộ máy*

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo quy mô trực thuộc chức năng vừa đảm bảo sự phân công, phân nhiệm giữa các bộ phận tạo sự chuyên môn hoá đồng thời chịu sự quản lý chung của giám đốc và ban lãnh đạo của công ty tạo sự thống nhất trong quản lý.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức khoa học và hợp lý từ phòng ban đến các phân xưởng. Tại các bộ phận đều phân công công việc cho từng người và có sự phối hợp giữa các bộ phận trong quản lý và điều hành chung.

- ***Về tổ chức công tác kế toán***

Phòng kế toán chịu sự chỉ đạo chung của kế toán trưởng, mỗi phân hành kế toán đều do một nhân viên đảm nhiệm tạo cho các nhân viên sự tự chủ và có trách nhiệm trong công việc được giao. Nhân viên trong phòng kế toán là những người có chuyên môn nghiệp vụ cao, thường tìm hiểu cập nhật những chính sách, hướng dẫn mới về tổ chức hạch toán kế toán, được Công ty tạo điều kiện, khuyến khích tham gia các lớp học để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Cách thức ghi chép và phương pháp hạch toán khoa học phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, yêu cầu quản trị và công tác kế toán tài chính. Tổ chức các phân hành khoa học, rõ ràng, giảm được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng đầy đủ những thông tin cần thiết đối với yêu cầu quản lý của Công ty và các đối tượng có liên quan khác.

- ***Về tổ chức sổ sách, chứng từ***

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung, phù hợp với tổ chức công tác kế toán tại công ty. Hình thức này thuận lợi cho việc theo dõi sổ sách, đảm bảo thông tin lưu trữ đầy đủ, chính xác đáp ứng được nhu cầu kiểm tra, đối chiếu. Đặc biệt Công ty sử dụng phần mềm kế toán ERP vào hạch toán kế toán làm giảm bớt công việc thực hiện thủ công, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác kế toán.

- ***Về công tác quản lý, tập hợp chi phí sản xuất***

Công ty có những biện pháp đúng đắn trong việc lập định mức NVL như quản lý chặt chẽ khâu mua bán vật tư, lập kế hoạch mua vật tư đáp ứng kịp thời kế hoạch sản xuất đồng thời công ty giao chỉ tiêu kế hoạch giá thành cho các phân xưởng sản xuất do đó xây dựng được định mức NVL tương đối hợp lý, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, phương pháp hạch toán hàng tồn kho này rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty và đáp ứng được nhu cầu về quản lý chi phí NVL.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty tập hợp CPSX theo từng phân xưởng chi tiết cho từng khoản mục chi phí tại từng phân xưởng, do đó tạo thuận lợi cho việc tập hợp CPSX cung cấp thông tin cần thiết cho việc xác định nhân tố chi phí nào đã thực hiện tiết kiệm, lãng phí ở khoản mục nào để có biện pháp phát huy lợi thế, hạn chế và tiết kiệm chi phí cũng như có biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

- ***Về hình thức trả lương***

Việc trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất căn cứ vào sản phẩm hoàn thành có tác dụng khuyến khích công nhân tăng năng suất lao động, đồng thời có trách nhiệm đối với sản phẩm làm ra. Công ty quy định chế độ thưởng - phạt rõ ràng nên nếu công nhân làm hỏng sản phẩm sẽ bị trừ vào lương tùy theo từng cấp độ của sản phẩm hỏng. Do đó, đã hạn chế được một khối lượng lớn các sản phẩm không đủ tiêu chuẩn, tiết kiệm chi phí sản xuất.

- ***Về công tác hạch toán CPNVL dùng cho SX và dùng chung tại phân xưởng***

Để hạch toán chi tiết NVL, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Đây là phương pháp dễ theo dõi, dễ làm, tiện dụng và có hiệu quả cao, phù hợp với loại hình sản xuất của công ty.

Việc xuất kho NVL cho sản xuất được theo dõi trên các bảng kê Xuất - Nhập - Tồn kho NVL và trên thẻ kho. Trên bảng kê Xuất - Nhập - Tồn kho phản ánh đầy đủ ngày, tháng, năm nhập, xuất, số lượng bao nhiêu, đơn giá như thế nào. Còn trên thẻ kho chỉ phản ánh số lượng mà không phản ánh giá trị NVL. Từ các số liệu tổng hợp NVL xuất kho, kế toán phân bổ nó theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong kỳ.

- ***Về đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành***

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt xác định đối tượng tập hợp CPSX và tính giá thành là từng loại sản phẩm tại từng phân xưởng. Việc xác định này giúp cho công ty đánh giá chính xác kết quả sản xuất kinh doanh của từng loại sản phẩm. Từ đó, có kế hoạch điều chỉnh cơ cấu mặt hàng cho phù hợp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ***Về kỳ tính giá thành***

Mặc dù nghiệp vụ kế toán của công ty tương đối nhiều nhưng công ty vẫn chọn kỳ tính giá thành là từng tháng. Nhờ vậy, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo, cung cấp giá thành thực tế kịp thời để làm căn cứ ghi chép giá vốn, tính toán các chỉ tiêu trong kỳ. Ngoài ra, việc tính giá thành theo từng tháng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra CPSX, kịp thời điều chỉnh những nguyên nhân gây lãng phí CPSX.

3.2.2.Nhược điểm

- ***Về việc kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của vật tư***

Vật tư mua vào chỉ được cân định lượng mà không được kiểm tra kỹ lưỡng về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc nhập xuất kho chỉ thông qua thủ kho mà thủ kho NVL thì chỉ giám sát về số lượng nhập xuất. Điều này dẫn đến nhiều loại vật tư có chất lượng thấp hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, làm tăng chi phí NVL trực tiếp của quá trình sản xuất

- ***Về việc sử dụng chứng từ***

Phiếu nhập kho NVL: Khi nhập kho NVL, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho với số lượng thực nhập căn cứ trên phiếu cân hàng và đơn giá trên hóa đơn mua hàng. Tuy nhiên, ngày tháng ghi trên phiếu nhập kho không phải ngày lập phiếu mà tất cả các phiếu đều ghi ngày đầu tiên của tháng. Tương tự, các phiếu xuất kho NVL đều được lập và ghi vào ngày cuối cùng của tháng

Việc lập và ghi phiếu nhập, xuất kho như vậy là không đúng với các quy định của chế độ kế toán hiện hành, ngoài ra còn dễ gây nhầm lẫn, tăng áp lực công việc vào cuối kỳ kế toán.

- ***Chi phí phải trả***

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng do tính chất của chi phí nên được tính vào chi phí của kỳ hạch toán. Các khoản chi phí này bao gồm: Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thiệt hại ngừng sản xuất...Hiện tại, công ty thực hiện việc tính trích khoản chi phí này đối với lãi vay.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

• *Về công tác theo dõi và hạch toán sản phẩm hỏng*

Công ty không theo dõi và hạch toán sản phẩm hỏng trong quá trình sản xuất. Điều đó dẫn tới một số hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý chi phí và quản lý lao động. Do không theo dõi cụ thể nên công ty khó có thể thu hồi khoản bồi thường thiệt hại, làm cho công tác tính giá thành sản phẩm bị sai lệch. Và quan trọng hơn, vì không quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể gây ra thiệt hại nên không giáo dục ý thức cẩn trọng, tiết kiệm trong lao động của công nhân.

• *Về việc hạch toán tiền ăn ca*

Công ty hạch toán tiền ăn ca của cả công nhân trực tiếp sản xuất và nhân viên phân xưởng vào TK 6275. Việc hạch toán như vậy là không đúng và TK 6275 cũng không có trong Hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

3.2.3. Nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót, tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt. Sau đây là một số nguyên nhân chủ yếu:

Thứ nhất: Do thói quen trong công việc của các cán bộ phòng kế toán tài chính, là một công ty đã trải qua quá trình phát triển lâu dài, có nhiều thói quen trong công việc đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp làm của cán bộ Công ty.

Thứ hai: Trước đây do chưa áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán nên công ty thực hiện tính giá NVL xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ để thuận tiện cho việc tính toán và ghi sổ sách. Do quen với cách tính toán cũ nên khi áp dụng phần mềm vào hạch toán Công ty vẫn thực hiện phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp cũ.

3.2.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng.

Sau gần 10 năm hoạt động và phát triển đến nay, công ty đã có một quy mô sản xuất kinh doanh mở rộng trên toàn quốc và trình độ quản lý nâng cao, phù hợp với tình hình hiện tại của đất nước. Để đạt được kết quả trên là cả một quá trình phấn đấu liên tục không ngừng của ban giám đốc, lãnh đạo các phòng ban và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, sự linh hoạt nhạy bén trong công tác quản lý kinh tế, quản lý sản xuất đã thực sự trở thành đòn bẩy tích cực cho việc phát triển của công ty. Kết hợp giữa việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường với đổi mới dây chuyền, quy mô sản xuất, công ty đã đạt được nhiều thành tích trong sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Tổ chức đội ngũ kế toán với trình độ cao về nghiệp vụ, được bố trí sắp xếp hợp lý, phối hợp nhịp nhàng giữa các phần hành đã đáp ứng kịp thời các báo cáo tài chính cho nhà quản lý và cơ quan chức năng.

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt là một công ty lớn, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, chủng loại sản phẩm phong phú; mô hình bộ máy kinh tế tập trung. Vì vậy, công ty trang bị hệ thống máy tính hiện đại đi kèm các chương trình xử lý thông tin trên máy (phần mềm ERP) đã đơn giản hóa các nghiệp vụ kinh tế. Nhờ đó, các phần hành được thực hiện một cách nề nếp và khoa học, theo đúng quy định của chế độ. Hệ thống kế toán máy đã giúp các phần hành kế toán được thực hiện một cách nhanh chóng và đưa ra thông tin một cách kịp thời, hữu ích cho các công tác quản trị nội bộ và kiểm tra tài chính.

3.3. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3.3.1. Nguyên tắc

Trong quá trình hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải phù hợp với chế độ, chính sách tài chính và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Hoàn thiện phải theo nguyên tắc thống nhất

Hoàn thiện phải theo nguyên tắc phù hợp:

- Phù hợp với lĩnh vực kinh doanh
- Phù hợp với quy mô hoạt động
- Phù hợp với trình độ của bộ máy kế toán

Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi và hiệu quả

3.3.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

Thứ năm, đảm bảo sự đơn giản không quá phức tạp, không gây xáo trộn trong hệ thống kế toán cũng như công tác hạch toán kế toán và có thể thực hiện được. Tính hiệu quả của việc hoàn thiện phải được kiểm chứng bằng thực tiễn.

3.4.Nội dung và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất - tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc kiểm tra chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của vật tư

Công tác quản lý vật tư tốt hay không có ảnh hưởng rất lớn đến sự tăng hay giảm của chi phí NVL trực tiếp. Nếu quản lý tốt sẽ tránh được việc sử dụng lãng phí, giảm phế liệu, từ đó giảm chi phí NVL trực tiếp, hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ngược lại, sẽ làm tăng chi phí NVL trực tiếp, khiến giá thành tăng cao, việc tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn. Tại Công ty

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, khối lượng vật tư nhập xuất kho là khá lớn nên việc lập Ban kiểm nghiệm vật tư là cần thiết.

NVL mua về trước khi nhập kho cần được kiểm nghiệm để xác định khối lượng, chất lượng, cũng như quy cách, thông số kỹ thuật. Ban kiểm nghiệm gồm những người có trách nhiệm và nghĩa vụ, trong đó Thủ kho là người có trách nhiệm chính. Đối tượng kiểm nghiệm là NVL, hàng hóa mua về. Để kiểm tra vật tư mua về, Ban kiểm nghiệm phải căn cứ vào hóa đơn, hợp đồng mua bán. Nếu kiểm nghiệm phát hiện thấy vật liệu thừa, thiếu, sai quy cách, phẩm chất như đã ghi trên hóa đơn, hợp đồng thì phải lập biên bản xác định rõ nguyên nhân để chờ xử lý. Sau khi kiểm nghiệm vật tư mua về, Ban kiểm nghiệm lập Biên bản xác nhận theo mẫu sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 21: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Công ty cổ phần Prime Đại Việt
Thôn Hán Lữ, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Số:...

Căn cứ vào quyết định số: ...ngày...tháng...năm...của...

Ban kiểm nghiệm vật tư gồm:

- 1.Trưởng ban
- 2.Phó ban
- 3.Thành viên

Kết quả kiểm nghiệm như sau:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Phương pháp kiểm nghiệm	Số lượng theo chứng từ	Kết quả		ĐV tính	Ghi chú
					Số lượng đạt yêu cầu	Số lượng không đạt		

Ý kiến ban kiểm nghiệm:

.....
.....

Ngày...tháng...năm

Trưởng ban

Phó ban

Thành viên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.4.2. Kiến nghị 2: Về việc sử dụng chứng từ

Để áp dụng đúng quy định thì Phiếu nhập xuất kho cần phải được ghi vào ngày thực tế nhập, xuất kho.

Do công ty đánh giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên giá trị vật tư xuất kho chỉ được xác định vào cuối mỗi tháng. Tuy vậy, không có nghĩa là tất cả các Phiếu xuất kho đều phải lập vào ngày cuối cùng của tháng. Điều này không đúng với chế độ kế toán hiện hành, hơn nữa còn gây thêm áp lực trong công việc kế toán cuối kỳ. Vì vậy, kế toán vẫn lập và ghi phiếu xuất kho như quy định nhưng tạm thời để trống cột “Đơn giá” và cột “Thành tiền”. Đến cuối tháng, sau khi xác định được đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ, kế toán điền đầy đủ thông tin vào hai cột còn trống.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về công tác theo dõi và hạch toán sản phẩm hỏng

Trong quá trình sản xuất gạch ốp lát nói chung không thể tránh khỏi việc tạo ra sản phẩm hỏng. Tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt, với việc áp dụng dây chuyền công nghệ sản xuất tiên tiến từ Italia, số lượng sản phẩm hỏng đã được giảm thiểu rõ rệt nhưng vẫn còn tồn tại. Sản phẩm hỏng của công ty là những viên gạch ốp lát không thỏa mãn tiêu chuẩn chất lượng và thông số kỹ thuật về màu sắc, kích cỡ, trọng lượng... hoặc bị cong vênh, nứt, vỡ...

Xét về mặt kế hoạch, sản phẩm hỏng chia làm hai loại: sản phẩm hỏng trong định mức và ngoài định mức. Theo quy định, thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức bao gồm giá trị sản phẩm hỏng trừ đi giá trị phế liệu thu hồi (phần được sàng lọc trở thành bột liệu cho xương). Toàn bộ thiệt hại này được tính vào CPSX sản phẩm. Còn thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức kế toán phải xem xét nguyên nhân gây ra thiệt hại để theo dõi trên các tài khoản như TK 138, TK 154, TK 627. Sau khi trừ đi phần phế liệu thu hồi và các khoản bồi thường, thiệt hại về sản phẩm hỏng ngoài định mức được tính vào chi phí khác hoặc theo dõi trên TK 1381.

Tuy nhiên, Công ty không hạch toán riêng sản phẩm hỏng mà tính tất cả vào CPSX trong kỳ làm cho giá thành sản phẩm tăng lên so với thực tế. Tuy giá trị sản

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phẩm hỏng tương đối nhỏ, không ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá thành nhưng việc không theo dõi chặt chẽ này làm cho người lao động không ý thức cẩn trọng, tiết kiệm trong sản xuất.

Chính vì vậy, theo em công ty nên quản lý chặt chẽ và hạch toán đầy đủ sản phẩm hỏng.

Phương pháp hạch toán

- Tập hợp các khoản thiệt hại:

Tùy theo mức độ hỏng, sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được và sản phẩm hỏng không sửa chữa được mà kế toán công ty hạch toán:

Nợ TK 1381

Có TK 154, 155, 157, 632: Giá thành SP hỏng không sửa chữa được chờ xử lý

Có TK 152, 153, 334, 338, 241: Chi phí sửa chữa SP hỏng có thể sửa chữa được.

- Xử lý giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức:

Nợ TK 152, 1388, 334, 111: Giá trị thu hồi, bắt bồi thường...

Nợ TK 811: Xử lý số thiệt hại về sản phẩm hỏng

Có TK 1381

3.4.4. Kiến nghị 4: Về hạch toán chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản chi phí chưa thực sự phát sinh nhưng do yêu cầu của quản lý mà được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Mục đích của việc này là nhằm đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí phải trả bao gồm các loại như: Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, trích trước sửa chữa lớn TSCĐ, trích trước chi phí lãi vay phải trả...

Tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất được tính vào chi phí sản xuất một cách hợp lý vì nó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Vậy để đảm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

bảo cho giá thành không bị đột biến tăng lên vào những tháng cuối năm khi công nhân nghỉ phép nhiều thì việc trích trước tiền lương nghỉ phép là cần thiết.

Việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất được thực hiện như sau:

$$\text{Tỷ lệ trích trước} = \frac{\sum \text{tiền lương nghỉ phép của CNTTSX phải trả theo kế hoạch}}{\sum \text{tiền lương chính phải trả cho CNSX trong năm kế hoạch}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích trước} \\ \text{tiền lương nghỉ} \\ \text{phép} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tiền lương cơ bản} \\ \text{thực tế phải trả cho} \\ \text{CNV trong tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \text{trích} \\ \text{trước} \end{array}$$

Hàng tháng khi trích trước tiền lương nghỉ phép, kế toán căn cứ vào kết quả tính toán số trích trước tiền lương nghỉ phép của CNTTSX để hạch toán.

Nợ TK 622

Có 335

Số tiền lương nghỉ phép thực tế phải trả cho CNTTSX phát sinh trong tháng, kế toán hạch toán:

Nợ TK 335

Có TK 334

Khi thanh toán tiền lương nghỉ phép cho công nhân:

Nợ TK 334

Có TK 111,112

Cuối năm kế toán tiến hành so sánh số chi lương nghỉ phép thực tế và số trích trước để tìm ra khoản chênh lệch.

Nếu số trích trước lớn hơn thực tế, kế toán hạch toán giảm CPNCTT:

Nợ TK 335

Có TK 622

Nếu số trích trước nhỏ hơn số thực tế, kế toán hạch toán khoản chênh lệch:

Nợ TK 622

Có TK 334

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.4.5. Kiến nghị 5: Về việc hạch toán tiền ăn ca

Tiền ăn ca của công nhân trực tiếp sản xuất sẽ được hạch toán vào TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp; tiền ăn ca của nhân viên phân xưởng hạch toán vào TK 6271- Chi phí nhân viên phân xưởng. Tại công ty Cổ phần Prime Đại Việt đang tiến hành hạch toán vào TK 6275 là không đúng .

Theo em, để hoàn thiện chi phí ăn ca, công ty cần phải thực hiện các bước sau

- Tách chi phí tiền ăn ca của công nhân trực tiếp sản xuất và tiền ăn ca của nhân viên phân xưởng. Để tách hai loại chi phí này kế toán có thể dựa trên số công trong tháng để tiến hành phân bổ. Công thức phân bổ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí tiền ăn ca của} \\ \text{công nhân trực tiếp sản} \\ \text{xuất/nhân viên phân} \\ \text{xưởng} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số công của công nhân sản} \\ \text{xuất/nhân viên phân xưởng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số công của bộ phận sản} \\ \text{xuất} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{tiền ăn ca} \\ \text{trong} \\ \text{tháng} \end{array}$$

Phương pháp hạch toán:

- Chi phí tiền ăn ca của công nhân trực tiếp sản xuất:

Nợ TK 622

Có TK 334

- Chi phí tiền ăn ca của nhân viên phân xưởng:

Nợ TK 6271

Có TK 334

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Prime Đại Việt.

3.5.1. Về phía nhà nước, cơ quan chức năng

Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng, minh bạch. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

3.5.2. Về phía tổ chức hiệp hội nghề nghiệp

Tích cực tập hợp, đoàn kết các tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán ở Việt Nam vì sự nghiệp duy trì và phát triển nghề nghiệp; nâng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cao chất lượng nghiệp vụ chuyên môn; giữ gìn phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu quản lý kinh tế tài chính của đất nước, hội nhập với các tổ chức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán các nước trong khu vực và thế giới.

3.5.3. Về phía doanh nghiệp được kiểm toán

- Phân đầu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để tận dụng được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm khách hàng.

- Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng: Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển.

- Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán: Có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế hội nhập như hiện nay, Nhà nước đã cho các doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh, tự do định đoạt công việc của mình, tự sản xuất, tự tìm kiếm thị trường. Nhà nước không còn là người cung cấp đầu vào cho các doanh nghiệp cũng như không còn là người tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp buộc phải tự đặt ra các chiến lược kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Trong đó, tiết kiệm chi phí và hạ giá thành để nâng cao sức cạnh tranh của của công ty là một chiến lược không thể thiếu. Do đó, tổ chức hạch toán chi phí sản xuất khoa học, chính xác sẽ giúp doanh nghiệp là điều rất cần thiết để công ty có thể đạt được mục tiêu này.

Công ty Cổ phần Prime Đại Việt hiện đang có những bước tiến vững chắc trong việc khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Với tiềm lực và khả năng sẵn có như hiện nay, chắc chắn công ty sẽ còn phát triển và lớn mạnh hơn rất nhiều.

Trong thời gian thực tập tại đây, em đã có cơ hội tiếp cận với một môi trường làm việc khoa học, hiện đại và năng động. Đây chính là điều kiện giúp em có thể làm tốt hơn công việc thực tế sau này.

Qua đây, em muốn gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới PGS. TS. Thịnh Văn Vinh - người đã tận tình giúp đỡ và hướng dẫn em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này. Em cũng chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo công ty, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tài chính đã tạo điều kiện giúp đỡ cho em trong quá trình thực tập và thu thập số liệu.

Do kiến thức có hạn nên chuyên đề tốt nghiệp của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để khoá luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Trần Thị Thu Hằng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP